

# Bảng tóm tắt LVTN

## Ngành: Bảo vệ thực vật

### Khóa 46 - năm 2024

**1. Tên đề tài:** Điều tra tình hình canh tác, thành phần côn trùng gây hại và diễn biến mật số Ruồi đục trái cây (Diptera: Tephritidae) trên vườn Mận tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

**2. Tên cán bộ hướng dẫn:** TS. Châu Nguyễn Quốc Khánh

**3. Tên sinh viên thực hiện:**

Phan Thị Mỹ Kim

Mssv: B2003076

Lê Huỳnh Duy

Mssv: B2011156

**4. Nội dung tóm lược:**

Đề tài “Điều tra tình hình canh tác, thành phần côn trùng gây hại và diễn biến mật số Ruồi đục trái cây (Diptera: Tephritidae) trên vườn Mận tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang” được thực hiện từ tháng 06/2023 đến tháng 4/2024 đạt được kết quả như sau:

Qua kết quả điều tra 30 hộ nông dân trồng mận trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cho thấy 100% các hộ điều tra trồng giống mận An Phước với mật độ trồng từ 50 đến 70 gốc/1.000 m<sup>2</sup>. Theo nông dân Ruồi đục trái là loài gây hại chủ yếu. Ruồi đục trái gây hại vào mùa nắng và tấn công mạnh ở vườn có độ tuổi trên 10 năm. Nông dân quản lý dịch hại trên bằng các biện pháp như bao trái, chùm mùn, kết hợp với sử dụng nhiều loại thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) như: Success 25SC, Haihamec 3.6EC... để phòng ngừa côn trùng.

Khảo sát thành phần côn trùng hiện diện trên vườn mận tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang gồm có 15 loài gây hại, trong đó có 9 loài thuộc bộ Cánh vảy (Lepidoptera), 4 loài thuộc bộ Cánh đều (Homoptera), 1 loài thuộc bộ Cánh nửa cứng (Hemiptera) và 1 loài thuộc bộ Cánh cứng (Coleoptera). Trong đó 3 loài Ruồi đục trái là *Bactrocera dorsalis*, *Bactrocera correcta* và *Bactrocera carambolae* và 1 loài Sâu lông *Dasychira oseata* với TXSH lần lượt là 30, 26, 11 và 13/30 vườn điều tra và mức độ phổ biến (+++).

Khảo sát diễn biến thành phần côn trùng gây hại trên mận tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang gồm 9 loài. Trong đó có 5 loài thuộc bộ cánh vảy (Lepidoptera), 4 loài thuộc bộ cánh đều (Homoptera). Trong đó 3 loài Ruồi đục trái là *Bactrocera dorsalis*, *Bactrocera correcta* và *Bactrocera carambolae* và 1 loài Sâu lông *Dasychira oseata* với TXSH đều là 8/8 lần điều tra và mức độ phổ biến (+++).

Việc khảo sát diễn biến Ruồi đục trái bằng bẫy thuốc dẫn dụ Vizubon-D trên 3 vườn mận tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ tháng 1 – 4/2024 ghi nhận Ruồi đục trái hiện diện từ đầu vụ đến thu hoạch với mật số trung bình 1.600,5 con/vườn tạo 2 cao điểm ngay thời điểm ra hoa và (tuần thứ 2) và trái non trước khi bao trái (tuần thứ 8).

**Tên đề tài:** Nghiên cứu các loại dịch trích thực vật có khả năng phòng trừ rầy nâu *Nilaparvata lugens* (homoptera: delphacidae) hại lúa

**Cán bộ hướng dẫn:** ThS. Lãng Cảnh Phú

**Sinh viên thực hiện:** Đỗ Thị Thảo Nguyên (B2003085) và Vũ Thị Yên Nhi (B1801753)

**Nội dung tóm lược:**

Đề tài: “Nghiên cứu các loại dịch trích thực vật có khả năng phòng trừ rầy nâu *Nilaparvata lugens* (Homoptera: Delphacidae) hại lúa” được thực hiện nhằm chọn lọc được một số loại dịch trích thực vật có khả năng phòng trừ rầy nâu. Thí nghiệm được thực hiện từ 9/2023 đến tháng 3/2024 tại phòng thí nghiệm côn trùng và nhà lưới thuộc Khoa Bảo vệ thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Đề tài gồm 4 thí nghiệm và ghi nhận kết quả như sau:

Thí nghiệm 1: Tuyển chọn các loại dịch trích thực vật có khả năng phòng trừ rầy nâu từ 15 loại thực vật. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên một nhân tố với 16 nghiệm bao gồm: 15 nghiệm thức xử lý dịch trích thực vật (15 loại dịch trích) và nghiệm thức đối chứng (xử lý nước), ghi nhận chỉ tiêu vào thời điểm 1, 3, 5, 7 NSKXL. Kết quả ghi nhận được 3 loại dịch trích thực vật có khả năng phòng trừ rầy nâu *Nilaparvata lugens* cao trong điều kiện phòng thí nghiệm là Ót (73,33%), Xoan ta (68,89%) và Sả (62,22%) ở thời điểm 7 NSKXL.

Thí nghiệm 2: Đánh giá hiệu lực phòng trừ của ba loại dịch trích thực vật (Ót, Xoan ta và Sả) trên các độ tuổi của rầy nâu *Nilaparvata lugens* trong điều kiện phòng thí nghiệm. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên hai nhân tố bao gồm: 3 nghiệm thức xử lý dịch trích thực vật (Ót, Xoan ta, Sả), nghiệm thức đối chứng và các độ tuổi của ấu trùng rầy nâu (tuổi 2, 3, 4, và tuổi 5). Kết quả ghi nhận cho thấy hiệu lực phòng trừ rầy nâu của ba loại dịch trích thực vật (Ót, Xoan ta, Sả) ở rầy nâu tuổi 2 và tuổi 3 cao hơn so với rầy nâu tuổi 4 và tuổi 5.

Thí nghiệm 3: Đánh giá hiệu lực của ba loại dịch trích thực vật với các nồng độ khác nhau ảnh hưởng đến rầy nâu *Nilaparvata lugens*. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên hai nhân tố gồm: 3 nghiệm thức xử lý dịch trích thực vật (Ót, Xoan ta, Sả) ở 4 nồng độ khác nhau (10%, 7,5%, 5%, 2,5%) và nghiệm thức đối chứng (xử lý nước). Kết quả ghi nhận có thấy hiệu lực phòng trừ rầy nâu *Nilaparvata lugens* của 3 nghiệm thức dịch trích thực vật (Ót, Xoan ta và Sả) ở 4 nồng độ (10%, 7,5%, 5%, 2,5%) đều có hiệu quả, tuy nhiên khác biệt không quá lớn và có cùng hiệu quả tối ưu ở nồng độ 7,5%.

Thí nghiệm 4: Đánh giá hiệu lực của ba loại dịch trích thực vật (Ót, Xoan ta và Sả) ở nồng độ 7,5% đối với rầy nâu *Nilaparvata lugens* trong điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, với năm nghiệm thức gồm 3 nghiệm thức xử lý dịch trích thực vật (Ót, Xoan ta, Sả), đối chứng âm (xử lý bằng nước cất) và đối chứng dương (xử lý bằng thuốc Chess 50WG). Kết quả ghi nhận được hiệu lực phòng trừ rầy nâu *Nilaparvata lugens* ở nghiệm thức xử lý dịch trích Ót có hiệu lực cao nhất trên 60% ở thời điểm 7 NSKXL.

**Từ khóa:** *Nilaparvata lugens*, dịch trích thực vật, rầy nâu, Xoan ta, Ót, Sả

tên đề tài : KHẢO SÁT DIỄN BIẾN MẬT SỐ QUẦN THỂ VÀ ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH TRÍCH THỦY XƯƠNG BÒ *Acorus sp.* ĐỐI VỚI SÂU XANH DA LÁNG *Spodoptera exigua*  
cán bộ hướng dẫn: Lê Văn Vàng

sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Thảo Nguyên và Nguyễn Thị Trúc Mai

tóm lược: Đề tài “ Khảo sát diễn biến mật số quần thể và đánh giá ảnh hưởng của dịch trích thủy xương bò *Acorus sp.* đối với sâu xanh da láng *Spodoptera exigua*” được thực hiện từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024 tại phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học côn trùng, Khoa BVTV, Trường Nông nghiệp và trên các ruộng hành lá tại ấp Tân Trung và Tân Qui huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long.

Ở điều kiện ngoài đồng, mật số thành trùng SXDL được khảo sát bằng bẫy pheromone và bẫy ngài cái tại 7 ruộng hành lá khác nhau. Kết quả ghi nhận được diễn biến mật số thành trùng vào bẫy có 2 thời điểm đạt đỉnh trong suốt vụ hành, lần 1 ở thời điểm 1 tuần sau đặt bẫy và lần 2 ở thời điểm 5 tuần sau đặt bẫy (tương đương thời điểm ruộng hành 13-15 ngày sau khi trồng và 40-42 ngày sau khi trồng) và tương quan nghịch với mật số ấu trùng và tỉ lệ lá bị hại.

Trong điều kiện phòng thí nghiệm, ảnh hưởng của dịch trích thủy xương bò *Acorus sp.* đối với ấu trùng sâu xanh da láng *Spodoptera exigua* được thử nghiệm theo 2 phương pháp tiếp xúc và vị độc với nồng độ dịch trích TXB được sử dụng là 0%, 0,5%, 1%, 2%. Kết quả cho thấy, ở nồng độ 2% dịch trích TXB có khả năng gây chết ấu trùng SXDL cao hơn so với 1% và 0,5% và hiệu quả không bị ảnh hưởng bởi kiểu tác động lên sâu xanh da láng.

1. tên đề tài: **ĐÁNH GIÁ ĐỘ HỮU HIỆU CỦA THUỐC TRỪ CỎ ĐỐI VỚI CỎ LÔNG VỰC NƯỚC (*Echinochloa crus-galli* L.) ĐƯỢC THU TẠI TỈNH SÓC TRĂNG TRONG ĐIỀU KIỆN NHÀ LƯỚI**

2. cán bộ hướng dẫn: **TS. Nguyễn Chí Cương**

3. tên sinh viên thực hiện: **Huỳnh Bửu Tiến B2003240**

4. nội dung tóm lược:

## TÓM LƯỢC

*Đề tài: “Đánh giá độ hữu hiệu của thuốc trừ cỏ đối với cỏ lông vực nước (*Echinochloa crus-galli* L.) được thu tại Tỉnh Sóc Trăng trong điều kiện nhà lưới” được thực hiện từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023*

*Mục tiêu thí nghiệm: tìm ra nồng độ thuốc TVE 400 SC (Tetflupyrolimet) thấp nhất và có hiệu quả cao với cỏ lông vực nước theo dãy nồng độ 2,5 - 320 g.a.i/ha, mẫu được thu tại 15 ruộng ở các Huyện (Thạnh Trị, Ngã Năm, Kế Sách, Châu Thành, Tp.Sóc Trăng) của Tỉnh Sóc Trăng. Thí nghiệm bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên tại nhà lưới Khoa Bảo Vệ Thực Vật với 15 nguồn cỏ, mỗi nguồn cỏ có 4 lặp lại, mỗi lặp lại là 1 chậu, mỗi chậu có 10 cây cỏ. Thuốc sử dụng trong TVE 400 SC với 8 nồng độ (0; 2,5; 5; 10; 20; 40; 80; 160; 320 g.a.i/ha), phun thuốc 4 ngày sau khi gieo cỏ, khi cây có 2 lá thật, kết quả thu được tại thời điểm 28 ngày sau khi phun qua các chỉ tiêu ghi nhận: tỷ lệ sống chết, trọng lượng, số chồi.*

*Kết quả thí nghiệm đánh giá độ hữu hiệu của thuốc trừ cỏ TVE 400 SC (Tetflupyrolimet) đạt được tại thời điểm 28 ngày sau khi phun: ở nồng độ 3 (10 g.a.i/ha) thuốc đã đạt được độ hữu hiệu (trên 99%) của tất cả 15 ruộng ở các Huyện (Thạnh Trị, Ngã Năm, Kế Sách, Châu Thành, Tp.Sóc Trăng) của Tỉnh Sóc Trăng, chỉ có ruộng 13 có độ hữu hiệu thấp hơn so với các ruộng còn lại ở nồng độ 1 (2,5 g.a.i/ha) và nồng độ 2 (5 g.a.i/ha).*

Nguyễn Văn Quy và Huỳnh Thanh Hùng, 2024. “Đánh giá hiệu lực của 4 loại thuốc đối với cỏ Lồng Vực Nước (*Echinochloa crus-galli* L.) được thu tại 4 tỉnh Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng Và Vĩnh Long trong điều kiện nhà lưới”. Luận văn tốt nghiệp đại học, Ngành Bảo Vệ Thực Vật, Trường Nông Nghiệp - Trường Đại Học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: Ts. Nguyễn Chí Cương

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “Đánh giá hiệu lực của 4 loại thuốc trừ cỏ đối với cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crus-galli* L.) được thu tại 4 tỉnh Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng và Vĩnh Long trong điều kiện nhà lưới” được thực hiện từ tháng 08/2023 đến tháng 12/2023 đạt được kết quả như sau:

Thí nghiệm được thực hiện tại nhà lưới của khoa Bảo Vệ Thực Vật, bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 loại thuốc và mỗi loại thuốc có 3 nồng độ: Clipper 25 OD (12,5; 25; 75 gai/ha), Nominee 10 SC (25; 50; 100 gai/ha), Clincher 10 EC (60; 180; 360 gai/ha), Whip 'S 7.5 EW (30, 60; 120 gai/ha) và đối chứng 0 không phun thuốc, mỗi nồng độ có 3 lần lặp lại với mỗi lặp lại có 1 chậu mỗi chậu trồng 5 cây cỏ. Chỉ tiêu được ghi nhận bằng cách đếm số cây sống của mỗi chậu ở thời điểm 28 ngày sau khi phun (NSKP).

Hiệu quả của các loại thuốc như sau:

Thuốc Clipper 25 OD ở NĐKC 12,5 g.a./ha kiểm soát được cỏ tốt nhất ở tỉnh Sóc Trăng (>60%), Vĩnh Long (>56%), Long An (>41%) và Đồng Tháp không kiểm soát được cỏ (>17%).

Thuốc Nominee 10 SC ở NĐKC 25 g.a./ha điều kiểm soát được cỏ tốt nhất là ở tỉnh Vĩnh Long (>76%), Sóc Trăng (>74%), Long An (>59%), Đồng Tháp (>47%).

Thuốc Clincher 10 EC ở NĐKC 60 g.a./ha điều kiểm soát được cỏ có hiệu quả cao: Sóc Trăng (>96%), Vĩnh Long (>87%), Đồng Tháp (>72%) và Long An (>67%).

Thuốc Whip 'S 7.5 EW ở NĐKC 30 g.a./ha điều kiểm soát được cỏ có hiệu quả cao: Vĩnh Long (>99%), Đồng Tháp (>99%), Long An (>98%) và Sóc Trăng (>95%).

1. Tên đề tài

“Đánh giá độ hữu hiệu của thuốc trừ cỏ đối với cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crus-galli* L.) được thu tại tỉnh Long An trong điều kiện nhà lưới”

2. Tên cán bộ hướng dẫn

Nguyễn Chí Cương

3. Tên sinh viên thực hiện

Biện Văn Đua

4. Nội dung tóm lược

Đề tài: “Đánh giá độ hữu hiệu của thuốc trừ cỏ đối với cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crus-galli* L.) được thu tại tỉnh Long An trong điều kiện nhà lưới” được thực hiện từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023. Thí nghiệm thực hiện với mục đích: chọn nồng độ thuốc có hiệu quả diệt cỏ tốt nhất đối với 15 mẫu cỏ ở tỉnh Long An..

Bố trí thí nghiệm theo phương pháp hoàn toàn ngẫu nhiên, thực hiện tại nhà lưới Bảo Vệ Thực Vật, Trường Đại Học Cần Thơ. Tiến hành thí nghiệm với việc trồng các mẫu cỏ được thu thập tại 15 ruộng ở các huyện: Tân Thạnh, Đức Huệ, Mộc Hóa, Thủ Thừa, Thạnh Hóa của tỉnh Long An với 4 lần lặp lại của mỗi ruộng, mỗi lần lặp lại là 1 chậu có 10 cây cỏ. Sau đó xử lý với thuốc ở 8 nồng độ 2,5; 5; 10; 20; 40; 80; 160; 320 g.a.i/ha, phun thuốc 4 ngày sau khi gieo khi cây có 2 lá thật, kết quả thu được tại thời điểm 28 ngày sau khi phun qua các chỉ tiêu ghi nhận: số cây còn sống, trọng lượng, số chồi trong mỗi chậu.

Qua thí nghiệm đạt được kết quả: Ở nồng độ 5 g.a.i/ha thuốc có hiệu quả diệt cỏ cao nhất ở 15 mẫu cỏ của tỉnh Long An.

Nguyễn Thị Ngọc Ngân, 2024. “**Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn thể phòng trị bệnh thối nhũn trên rau cải ở điều kiện phòng thí nghiệm**”. Luận văn tốt nghiệp đại học, Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Người hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn thể phòng trị bệnh thối nhũn trên rau cải do vi khuẩn *Pectobacterium carotovorum* trong điều kiện phòng thí nghiệm” được thực hiện từ tháng 12/2023 đến tháng 04/2024, tại phòng thí nghiệm Bệnh cây, Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ nhằm tìm ra một số dòng thực khuẩn thể triển vọng là cơ sở trong phòng trị bệnh thối nhũn ở điều kiện nhà lưới. Kết quả nghiên cứu gồm:

Phân lập được 20 dòng thực khuẩn thể kí sinh vi khuẩn *Pectobacterium carotovorum* và 8 chủng vi khuẩn ở các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang và Trà Vinh từ mẫu đất và mẫu lá bị bệnh.

Đánh giá khả năng gây hại của 8 chủng vi khuẩn *Pectobacterium carotovorum*, thí nghiệm được bố trí hai nhân tố với bốn lần lặp lại qua ba thời điểm 24, 36 và 48 giờ. Trong đó vi khuẩn Pc2 có khả năng gây hại nặng nhất và làm nguồn vật liệu cho thí nghiệm tiếp theo.

Đánh giá khả năng kí sinh của các dòng thực khuẩn thể đối với các chủng vi khuẩn *Pectobacterium carotovorum* gây bệnh thối nhũn trên rau cải. Kết quả ghi nhận được 20 dòng thực khuẩn thể ( $\Phi 1$ ,  $\Phi 2$ ,  $\Phi 3$ ,  $\Phi 5$ ,  $\Phi 6$ ,  $\Phi 15$ ,  $\Phi 17$ ,  $\Phi 20$ ) có khả năng kí sinh trên nhiều chủng vi khuẩn *Pectobacterium carotovorum* chiếm tỷ lệ 100%.

Kết quả đánh giá khả năng nhân mật số của 8 dòng thực khuẩn thể ( $\Phi 1$ ,  $\Phi 2$ ,  $\Phi 3$ ,  $\Phi 5$ ,  $\Phi 6$ ,  $\Phi 15$ ,  $\Phi 17$ ,  $\Phi 20$ ) trên vi khuẩn *Pectobacterium carotovorum* ghi nhận 3 dòng thực khuẩn thể là  $\Phi 1$ ,  $\Phi 3$ ,  $\Phi 5$  có khả năng nhân mật số cao.

Kết quả đánh giá khả năng phân giải của 8 dòng thực khuẩn thể ( $\Phi 1$ ,  $\Phi 2$ ,  $\Phi 3$ ,  $\Phi 5$ ,  $\Phi 6$ ,  $\Phi 15$ ,  $\Phi 17$ ,  $\Phi 20$ ) trên vi khuẩn *Pectobacterium carotovorum* sau 3 thời điểm 24, 36 và 48 giờ. Chọn được 3 dòng thực khuẩn thể  $\Phi 1$ ,  $\Phi 3$ ,  $\Phi 5$  và  $\Phi 20$  có đường kính đốm tan cao hơn các thực khuẩn thể còn lại.

**Từ khóa:** bệnh thối nhũn, cây rau cải, thực khuẩn thể, *Pectobacterium carotovorum*.

Trần Văn Phiên và Chau Sô Viết, 2024. “Đánh giá hiệu quả của các chủng vi khuẩn *Pseudomonas* phát huỳnh quang phòng trừ sâu cuốn lá nhỏ (*Cnaphalocrocis medinalis* Guenée) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới”. Luận văn tốt nghiệp đại học, Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: ThS. Lăng Cảnh Phú

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “Đánh giá hiệu quả của các chủng vi khuẩn *Pseudomonas* phát huỳnh quang phòng trừ sâu cuốn lá nhỏ (*Cnaphalocrocis medinalis* Guenée) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới” được thực hiện từ 10/2023 đến 4/2024 tại phòng thí nghiệm côn trùng C110 và nhà lưới Khoa Bảo Vệ Thực Vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Đề tài nhằm chọn lọc một số chủng vi khuẩn *Pseudomonas* phát huỳnh quang (PHQ) có khả năng gây chết, nồng độ và hiệu lực phòng trừ đối với sâu cuốn lá nhỏ trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới. Kết quả ghi nhận được như sau:

Tổng cộng 20 chủng vi khuẩn PHQ được đánh giá khả năng gây chết đối với sâu cuốn lá nhỏ. Kết quả có ba chủng vi khuẩn: 01, 11 và 82 có khả năng gây chết sâu cuốn lá nhỏ đạt hiệu lực trên 68% ở 7 ngày sau xử lý.

Đánh giá hiệu lực của ba chủng vi khuẩn ở những nồng độ khác nhau ảnh hưởng đến sâu cuốn lá nhỏ trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả ba chủng 01, 11 và 82 đạt hiệu lực cao ở nồng độ  $10^9$  cfu/mL.

Đánh giá khả năng gây chết của ba chủng vi khuẩn đối với các độ tuổi sâu cuốn lá nhỏ ở điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả ở các độ tuổi khác nhau thì hiệu lực của ba chủng khác nhau.

Đánh giá hiệu lực của ba chủng vi khuẩn đối với sâu cuốn lá nhỏ trong điều kiện nhà lưới. Kết quả ghi nhận chủng 82 đạt hiệu lực cao nhất là 92%, chủng 01 chỉ đạt 56% và chủng 11 có hiệu lực 66%.

**Từ khóa:** *Cnaphalocrocis medinalis* Guenée, sâu cuốn lá nhỏ, *Pseudomonas* phát huỳnh quang.



**1. Tên đề tài: ĐÁNH GIÁ ĐỘ HỮU HIỆU CỦA THUỐC TRỪ CỎ ĐỐI VỚI CỎ LÔNG VỰC NƯỚC (*Echinochloa crus-galli* L.) ĐƯỢC THU TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP TRONG ĐIỀU KIỆN NHÀ LƯỚI**

2. CBHD: TS. Nguyễn Chí Cường

3. Tên SV thực hiện: Nguyễn Thanh Tùng

4. Nội dung tóm lược: Đề tài: “Đánh giá độ hữu hiệu của thuốc trừ cỏ TVE 400 SC đối với cỏ lông vực nước (*Echinochloa crus-galli* L.) được thu tại tỉnh Đồng Tháp trong điều kiện nhà lưới” được thực hiện từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023.

Mục tiêu thí nghiệm: chọn được nồng độ thấp nhất mà có hiệu quả, mẫu cỏ được thu thập tại 15 ruộng ở các huyện: Tháp Mười, Tam Nông, Cao Lãnh, Thanh Bình, Hồng Ngự. Bố trí thí nghiệm theo phương pháp hoàn toàn ngẫu nhiên tại nhà lưới Bảo Vệ Thực Vật với 4 lần lặp lại của mỗi ruộng, mỗi lần lặp lại là 1 chậu có 10 cây cỏ và 3 nồng độ 2,5; 5; 10 g.a.i/ha, phun thuốc 4 ngày sau khi gieo khi cây có 2 lá thật, kết quả thu được tại thời điểm 28 ngày sau khi phun qua các chỉ tiêu ghi nhận: tỷ lệ sống chết, số chồi, trọng lượng.

Qua kết quả thí nghiệm đạt được kết quả: Ở nồng độ 2 (5 g.a.i/ha) có hiệu quả tốt của cỏ thu ở tỉnh Đồng Tháp.

1. Tên đề tài: **Nghiên cứu ảnh hưởng của một số chất quấy rối đối với Sâu xanh hai sọc trắng, *Diaphania indica* Saunders (Lepidoptera: Pyralidae) gây hại trên dưa leo trong điều kiện nhà lưới**
2. Tên người hướng dẫn: TS. Châu Nguyễn Quốc Khánh
3. Tên sinh viên thực hiện: Cao Thị Thùy Trang, Nguyễn Trần Như ý
4. Nội dung tóm lược:

Đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của một số chất quấy rối đối với Sâu xanh hai sọc trắng, *Diaphania indica* Saunders (Lepidoptera: Pyralidae) gây hại trên dưa leo trong điều kiện nhà lưới” được thực hiện từ tháng 04 năm 2022 đến tháng 05 năm 2024 tại phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học côn trùng và nhà lưới, Khoa Bảo Vệ Thực Vật, Trường Nông Nghiệp, Đại học Cần Thơ. Đạt kết quả như sau:

Qua khảo sát khả năng quấy rối của dịch trích khoai lang sùng bằng 2 phương pháp phun và treo dịch trích khoai lang sùng ở điều kiện nhà lưới cho thấy dịch trích khoai lang sùng không ảnh hưởng đến khả năng quấy rối thành trùng đậu trên cây, sự sinh sản và tỉ lệ gây hại của SXHST.

Qua khảo sát khả năng quấy rối bằng phương pháp so sánh cặp ngẫu nhiên từng dịch trích với nhau bao gồm tinh dầu sả, dầu tỏi, dịch trích khoai lang sùng cho thấy hợp chất tinh dầu sả có hiệu quả quấy rối tốt nhất. Hiệu quả xua đuổi thành trùng SXHST là 1,33 (con/chậu). Hiệu quả quấy rối khả năng đẻ là 17 (trứng/chậu). Mật số ấu trùng là 12,3 (con/chậu). Tỷ lệ gây hại là 14,4%

Qua khảo sát khả năng quấy rối của tinh dầu sả, dầu tỏi và dịch trích khoai lang sùng ở điều kiện nhà lưới cho thấy, cả 3 chất đều có ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và gây hại của SXHST. Theo đó, cây treo túi tinh dầu sả có hiệu quả xua đuổi thành trùng SXHST tốt nhất với mật số đậu là 0,33 (con/chậu). Hiệu quả quấy rối đẻ trứng của cây được treo túi tinh dầu sả là tốt nhất 4,33 (trứng/chậu). Mật số ấu trùng trên cây treo tinh dầu sả là 9,67 (con/chậu). Tỷ lệ gây hại trên cây treo tinh dầu sả là 13,00%

Kết quả thí nghiệm 4 cho thấy dầu sả có hiệu quả quấy rối thành trùng SXHST tốt nhất 100% ở điều kiện ngoài đồng, tiếp theo sau là dịch trích khoai lang sùng và dầu tỏi 89%.

**Từ khóa:** Dịch trích khoai lang sùng, Dầu tỏi, *Diaphania indica*, Sâu xanh hai sọc trắng, Tinh dầu sả.

Nguyễn Phước Tài, 2024. Đánh giá độ hữu hiệu của thuốc trừ cỏ đối với cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crus-galli* L.) được thu tại tỉnh Vĩnh Long trong điều kiện nhà lưới. Luận văn tốt nghiệp đại học, ngành Bảo Vệ Thực Vật, Khoa Bảo Vệ Thực Vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại Học Cần Thơ.

Người hướng dẫn: Ts. Nguyễn Chí Cương

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “Đánh giá độ hữu hiệu của thuốc trừ cỏ đối với cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crus-galli* L.) được thu tại tỉnh Vĩnh Long trong điều kiện nhà lưới” được thực hiện từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023.

Thí nghiệm nhằm tìm ra nồng độ của thuốc TVE 400 SC (hoạt chất tetflupyrolimet) thấp nhất cho hiệu quả diệt cỏ tốt đối với cỏ lồng vực nước được thu tại 15 ruộng ở thị xã Bình Minh, huyện Bình Tân, huyện Long Hồ, huyện Trà Ôn, huyện Tam Bình của tỉnh Vĩnh Long. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên tại nhà lưới Khoa Bảo Vệ Thực Vật. Mỗi nguồn cỏ tại các ruộng lặp lại 4 lần, mỗi lặp lại là 1 chậu, mỗi chậu có 10 cây cỏ cho 6 nồng độ 0; 2,5; 5; 10; 20; 40 (g.a.i/ha), phun thuốc khi cây cỏ có 2 lá thật, kết quả thu được tại thời điểm 28 ngày sau khi phun ở mỗi chậu cỏ qua các chỉ tiêu: Số cây cỏ còn sống, trọng lượng tươi, số chồi.

Kết quả thí nghiệm cho thấy nồng độ 20 g.a.i/ha của thuốc TVE 400 SC là nồng độ thuốc thấp nhất cho hiệu quả diệt cỏ tốt đối với cỏ lồng vực nước được thu tại 15 ruộng ở các huyện, thị xã của tỉnh Vĩnh Long với độ hữu hiệu trên 98%. Thuốc có hiệu lực thấp khi phun ở nồng độ 2.5 g.a.i/ha và nồng độ 5 g.a.i/ha.

**Từ khoá:** cỏ lồng vực nước, độ hữu hiệu, thuốc trừ cỏ TVE 400 SC, hoạt chất tetflupyrolimet

**ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG QUÁY RỐI SỰ SINH SẢN CỦA MỘT SỐ  
LOẠI HỢP CHẤT TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI SÂU KEO MÙA THU  
*Spodoptera frugiperda* SMITH (LEPIDOPTERA: NOCTUIDAE) GÂY  
HẠI TRÊN CÂY BẮP Ở ĐIỀU KIỆN NHÀ LƯỚI VÀ NGOÀI ĐỒNG**

**Cán bộ hướng dẫn**

**TS. Châu Nguyễn Quốc Khánh**

**Sinh viên thực hiện :**

**Lý Minh Nhả**

MSSV: B2011174

**Nguyễn Hà Kiều Trinh**

MSSV: B2003107

**TÓM LƯỢC**

Đề tài “Đánh giá khả năng quấy rối sự sinh sản của một số hợp chất tự nhiên đối với sâu Keo mùa thu, *Spodoptera frugiperda* SMITH (Lepidoptera: Noctuidae) gây hại trên cây bắp ở điều kiện nhà lưới và ngoài đồng”. Được thực hiện từ tháng 5 năm 2023 đến tháng 4 năm 2024 tại nhà lưới Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ và ngoài đồng tại xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ đạt kết quả như sau:

Khảo sát khả năng quấy rối của tinh dầu sả, dầu tỏi, dịch trích khoai lang sùng và sả tươi ở điều kiện nhà lưới cho thấy 4 nghiệm thức đều có khả năng quấy rối đến vị trí đậu của thành trùng trên cây, sự sinh sản và tỉ lệ gây hại của SKMT. Trong đó, sả tươi có hiệu quả xua đuổi thành trùng SKMT cao nhất với mật số thành trùng 0,00 (con/chậu), mật số ở trứng 0,00 (ổ trứng/cây). Nghiệm thức treo túi tinh dầu tỏi (2 ml) có hiệu quả quấy rối đến mật số ấu trùng là 15,50 (con/cây) thấp hơn so với cây treo sả tươi 26,17 (con/cây) và tỉ lệ bị hại thấp nhất 63,33% cho thấy hiệu quả phòng trừ có hiệu quả nhất.

So sánh 2 trung bình từng cặp riêng lẻ ngẫu nhiên của 4 nghiệm thức gồm: tinh dầu sả, dầu tỏi, dịch trích khoai lang sùng và sả tươi cho thấy tinh dầu sả (2 ml/túi) có hiệu quả quấy rối bất cặp, sự sinh sản của thành trùng SKMT cao nhất so với 3 nghiệm thức còn lại. Theo đó, cây treo túi tinh dầu sả (2 ml) có hiệu quả xua đuổi thành trùng SKMT tốt nhất với mật số 0,33 (con/chậu). Hiệu quả quấy rối đẻ trứng của cây treo túi tinh dầu sả có mật số 0,00 (ổ trứng).

Khảo sát ngoài đồng, cho thấy rằng tinh dầu sả, tinh dầu sả kết hợp với nông dân phun thuốc và nông dân phun thuốc có hiệu quả tương đương với nhau để xua đuổi thành trùng SKMT ở ngoài đồng. Theo đó, bẫy treo túi tinh dầu sả, tinh dầu sả kết hợp phun thuốc có hiệu quả đạt tương đương với nhau là 100%. Hiệu quả xua đuổi ấu trùng SKMT của 3 nghiệm thức: tinh dầu sả, tinh dầu sả kết hợp với nông dân phun thuốc và nông dân phun thuốc có mật số lần lượt là 0,40; 0,20; 0,20 (con/điểm). Tỉ lệ gây hại của ấu trùng SKMT của 3 nghiệm thức có mật số lần lượt là 7,24%; 3,44%; 6,68%.

*Dặng Văn Hiếu và Trần Hữu Lộc, 2024. “Điều tra tình hình canh tác, thành phần côn trùng gây hại và nhóm ruồi đục trái (Diptera: Tephritidae) trên các vườn mít tại tỉnh Hậu Giang”. Luận văn tốt nghiệp Đại học, ngành học Bảo vệ Thực vật, trường Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ. 46 trang*

Người hướng dẫn: *Ts. Châu Nguyễn Quốc Khánh*

## TÓM LƯỢC

*Đề tài: “Điều tra tình hình canh tác, thành phần côn trùng gây hại và nhóm ruồi đục trái (Diptera: Tephritidae) trên các vườn mít tại tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 3/2023 đến tháng 2/2024 trên đại bàn tỉnh Hậu Giang đã đạt được kết quả như sau.*

*Khảo sát được tình hình canh tác của nông dân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đa số nông dân trồng giống mít Thái siêu sớm với tuổi cây trung bình là từ 3-5 năm. Khảo sát trực tiếp ngoài đồng và kết hợp điều tra nông dân phát hiện 10 loài cỏ dại xuất hiện trên vườn mít. Có xuất hiện một vài bệnh trong đó phổ biến nhất là bệnh sơ đen. Bên cạnh đó có rất nhiều loài côn trùng gây hại phổ biến. Qua kết quả điều tra có 13 loài côn trùng xuất hiện thuộc 5 bộ. Trong đó có 6 loài thuộc bộ Cánh đều (Homoptera), bộ Cánh cứng (Coleoptera) có 2 loài xuất hiện, có 2 loài thuộc bộ Hai cánh (Diptera), bộ Cánh màng (Diptera) có 2 loài xuất hiện, bộ Cánh vảy (Lepidoptera) xuất hiện 1 loài. trong đó có 3 loài gây hại nặng nhất là sâu đục trái (*Glyphodes caesalis*) thuộc bộ Cánh vảy, Ruồi đục trái (*Batrocera dorsalis*) thuộc bộ hai Cánh và Rệp sáp phân (*Planococcus* sp.) thuộc bộ Cánh đều.*

*Đặt bẫy bằng chất dẫn dụ Vizubon-D (liều lượng 1 ml/ bẫy), Cue lure (liều lượng 1 x 0,5 cm/ bẫy), Tinh dầu hương nhu (liều lượng 1 ml/ bẫy) thu được 6 loài ruồi: *B. dorsalis*, *B. cucurbitae*, *B. tau*, *B. hochii*, *B. umbrosa*, *B. correcta*. Kết quả khảo sát cho thấy chất dẫn dụ Vizubon-D cho hiệu quả cao nhất với tổng ruồi đục trái vào bẫy là 1.586 con, tiếp đến là thuốc Cue lure với 82 con vào bẫy, cuối cùng là Tinh dầu hương nhu có 32 con.*

*Quá trình thu mẫu trái mít có hiện tượng gây hại của ruồi đục trái từ ngoài đồng về PTN ghi nhận được 2 loài ruồi đục trái là loài *B. dorsalis* hiện diện ở tỉ lệ 85,98% và loài *B. umbrosa* ở tỉ lệ 14,02%.*

**Từ khóa:** *Batrocera dorsalis, Batrocera umbrosa, Cue lure, cây mít, Tinh dầu hương nhu, Ruồi đục trái, Vizubon-D.*

1. Tên đề tài: “Đánh giá hiệu quả mô hình áp dụng biện pháp quản lý dịch hại theo hướng an toàn trên lúa tại huyện Lập Vò tỉnh Đồng Tháp vụ Đông Xuân 2022-2023”

2. Tên cán bộ hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Thị Thu Nga

3. Tên sinh viên thực hiện: Trần Thị Thúy Vy

4. Nội dung tóm lược:

Đề tài “Đánh giá hiệu quả mô hình áp dụng biện pháp quản lý dịch hại theo hướng an toàn trên lúa tại huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp vụ Đông Xuân 2022-2023” được thực hiện với mục tiêu xác định hiệu quả mô hình áp dụng các giải pháp bảo vệ thực vật gồm sinh học và hóa học trong phòng trừ dịch hại trên lúa theo hướng an toàn đạt yêu cầu về năng suất và yêu cầu về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa cho phép theo chuẩn Châu Âu.

Đề tài được thực hiện tại xã Bình Thạnh Trung, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 cho kết quả như sau:

Chế phẩm hỗn hợp vi sinh vật vi khuẩn vùng rễ *Bacillus* B55 và *Bacillus* B61 kiểm soát được bệnh đạo ôn lá và đạo ôn cổ bông tương đương với nghiệm thức nông dân. Nấm xanh *Metarhizium anisopliae* hạn chế mật số rầy nâu, sâu cuốn lá và rầy phấn trắng tương đương với nghiệm thức nông dân. *Pseudomonas* PHQ 08 có khả năng kiểm soát sự gây hại của nhện gié. Hỗn hợp thực khuẩn thể áp dụng xử lý hai thời điểm trước và sau khi lúa trở đều cho hiệu quả tương đương với nghiệm thức nông dân.

Năng suất thực tế ghi nhận ở nghiệm thức nông dân là 7,8 tấn/ha tương đương với nghiệm thức mô hình là 7,9 tấn/ha. Lợi nhuận của nghiệm thức nông dân là 3.150.900 đồng/1000m<sup>2</sup> cao hơn nghiệm thức mô hình với lợi nhuận 2.989.334 đồng/1000m<sup>2</sup>. Ở cả hai nghiệm thức dư lượng thuốc hóa học đều không vượt giới hạn dư lượng cho phép và sử dụng hoạt chất Tricyclazole ở giai đoạn 45 và 55 ngày sau sạ không để lại dư lượng thuốc trong mẫu gạo.

La Thùy Dung, 2024 “**Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ phòng trị bệnh héo rũ trên dưa leo do nấm *Fusarium oxysporum* trong điều kiện phòng thí nghiệm**”. Luận văn tốt nghiệp đại học ngành Bảo vệ Thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: TS. Đoàn Thị Kiều Tiên

## TÓM LƯỢC

Đề tài được thực hiện tại phòng thí nghiệm bệnh cây và nhà lưới của Khoa Bảo vệ thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023, nhằm xác định nguồn nấm gây bệnh héo rũ trên dưa leo và tuyển chọn những chủng vi khuẩn vùng rễ triển vọng có khả năng đối kháng với nấm *Fusarium oxysporum* làm cơ sở cho nghiên cứu quản lý bệnh bằng biện pháp sinh học ở điều kiện thực tế ngoài đồng hướng đến giải pháp thân thiện với môi trường và bền vững trong sản xuất nông nghiệp.

(1) Kết quả xác định tác nhân gây bệnh héo rũ trên dưa leo do nấm *Fusarium oxysporum* bằng định danh hình thái và sinh học phân tử với cặp mồi ITS1/ITS4. Đánh giá khả năng gây hại của hai dòng nấm đã ghi nhận cả hai dòng nấm đều gây hại ở giai đoạn 14 ngày sau khi lây bệnh với cấp độ bệnh trung bình là từ 0,4 đến 3,7 và tỉ lệ bệnh từ 40 – 100%. Trong đó, dòng nấm focN1 được phân lập tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long có trung bình cấp độ bệnh cao hơn 1,5 lần so với nấm focN2 tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, chọn dòng nấm focN1 làm nguồn bệnh cho thí nghiệm tuyển chọn vi khuẩn đối kháng.

(2) Kết quả phân lập được 118 dòng vi khuẩn vùng rễ, trong đó có 92 dòng thuộc chi *Bacillus* chiếm tỷ lệ 77,97%, 15 dòng thuộc chi *Pseudomonas* phát huỳnh quang chiếm 12,71% và 11 chi gram âm chiếm 9,32%. Sau đó tiến hành thí nghiệm đánh giá nhanh khả năng đối kháng của 118 dòng vi khuẩn vùng rễ ghi nhận có 14 dòng vi khuẩn vùng rễ cho khả năng đối kháng chiếm 11,86% và chọn được 3 chủng vi khuẩn *Bacillus* B11; B13; B18 có khả năng đối kháng cao với bán kính vô khuẩn từ 3,3 – 8,1 mm và hiệu suất đối kháng từ 37,93% – 51,72%.

**Từ khóa:** *Bacillus*, bệnh héo rũ, cây dưa leo, *Fusarium oxysporum*, *Pseudomonas* phát huỳnh quang.

Hồ Gia Định, 2024. “**Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ trong phòng trừ bệnh đốm nâu trên lúa do nấm *Bipolaris oryzae* ở điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới**”. Luận văn tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Nga

## TÓM LƯỢC

Đề tài được thực hiện từ tháng 6/2023 đến tháng 3/2024 tại phòng thí nghiệm Bệnh cây và nhà lưới Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ, nhằm mục đích tuyển chọn được chủng vi khuẩn vùng rễ có khả năng phòng trừ hiệu quả đối với nấm *Bipolaris oryzae* gây bệnh đốm nâu trên lúa trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới. Với các kết quả đạt được:

Qua đánh giá khả năng gây hại của 2 dòng nấm *Bipolaris oryzae* gây bệnh đốm nâu trên lúa được phân lập tại Sóc Trăng và Cần Thơ ở điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên một nhân tố, bao gồm 2 nghiệm thức với 4 lần lặp lại, trên giống lúa Jasmine 85 giai đoạn 20 ngày sau khi gieo. Kết quả cho thấy, dòng nấm *Bipolaris oryzae* BoCT có khả năng gây hại cao nhất với tỉ lệ bệnh dao động từ 70 - 82,66% và chỉ số bệnh dao động từ 11,04 - 32%.

Qua phân lập các chủng vi khuẩn vùng rễ lúa từ các mẫu đất ruộng ở Sóc Trăng, Hậu Giang và Cần Thơ đã phân lập được 65 chủng vi khuẩn vùng rễ, gồm 3 chủng vi khuẩn Gram âm chiếm tỉ lệ 4,6% và 62 chủng vi khuẩn Gram dương chiếm tỉ lệ 95,4%. Trong đó, nhóm vi khuẩn thuộc chi *Bacillus* chiếm tỉ lệ 86,2% và nhóm vi khuẩn chưa xác định được chi chiếm 13,8 %; Qua đánh nhanh khả năng đối kháng của các chủng vi khuẩn vùng rễ lúa với dòng nấm *Bipolaris oryzae* BoCT đã ghi nhận có 31 chủng vi khuẩn vùng rễ có khả năng đối kháng với nấm *Bipolaris oryzae* BoCT chiếm tỉ lệ 35,23% và đã tuyển chọn ra được 14 chủng thuộc chi *Bacillus* có khả năng đối kháng cao với nấm *Bipolaris oryzae* BoCT để tiếp tục thực hiện đánh giá khả năng đối kháng của 14 chủng vi khuẩn này với nấm *Bipolaris oryzae* BoCT ở cùng một mật số  $10^8$  CFU/ml với 4 lần lặp lại. Kết quả đã tuyển chọn ra được 4 chủng vi khuẩn CT1, CT9, 81, 93 triển vọng có khả năng đối kháng cao và ổn định qua các thời điểm, với bán kính vòng vô khuẩn dao động từ 3,75 - 4,5 mm và hiệu suất đối kháng dao động từ 51,67 - 53,33%.

Qua đánh giá khả năng phòng trừ của 4 chủng vi khuẩn vùng rễ triển vọng đối với bệnh đốm nâu do dòng nấm *Bipolaris oryzae* BoCT gây ra trong điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên một nhân tố gồm 5 nghiệm thức với 4 lần lặp lại, trên giống lúa Jasmine 85 giai đoạn 25 ngày sau khi gieo. Kết quả cho thấy, nghiệm thức xử lý chủng vi khuẩn 93 thuộc chi *Bacillus* có khả năng phòng trừ hiệu quả đối với bệnh đốm nâu với AUDPC của tỉ lệ bệnh là 582,9 với AUDPC của chỉ số bệnh là 108,8 thấp hơn và khác biệt so với đối chứng không xử lý vi khuẩn (với AUDPC của tỉ lệ bệnh và AUDPC của chỉ số bệnh lần lượt là 684,2 và 143,9) ở mức ý nghĩa 1%.

**Từ khóa:** *Bacillus*, vi khuẩn vùng rễ, bệnh đốm nâu trên lúa, *Bipolaris oryzae*.



**Tên đề tài:** Nghiên cứu hiệu quả của vi khuẩn vùng rễ kết hợp thực khuẩn thể trong phòng trừ bệnh héo xanh trên cây hoa VẠN THỌ do *Ralstonia solanacearum* Smith ở điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới.

**Cán bộ hướng dẫn:** TS. Đoàn Thị Kiều Tiên

**Sinh viên thực hiện:** Ngô Đức Kiệt B2011217

**Nội dung:** Mục tiêu của đề tài là xác định hiệu quả của vi khuẩn vùng rễ và thực khuẩn thể trong xử lý đất trồng hoa để giảm bệnh héo xanh do vi khuẩn *Ralstonia solanacearum* gây ra trên cây hoa vạn thọ, là cơ sở cho nghiên cứu ứng dụng vi sinh vật có lợi trong phòng bệnh héo xanh trên cây Vạn Thọ ở điều kiện ngoài đồng.

**Thí nghiệm 1:** Khảo sát khả năng đối kháng của hỗn hợp vi khuẩn vùng rễ (VKVR), hỗn hợp thực khuẩn thể (TKT) và hỗn hợp vi khuẩn vùng rễ kết hợp thực khuẩn thể ở mật số  $10^7$  và  $10^8$  /ml đối với vi khuẩn *R. solanacearum* gây bệnh héo xanh trên cây hoa Vạn Thọ trong điều kiện phòng thí nghiệm.

**Thí nghiệm 2a:** Đánh giá khả năng phòng của hỗn hợp vi khuẩn vùng rễ, hỗn hợp thực khuẩn thể và hỗn hợp thực khuẩn thể kết hợp vi khuẩn vùng rễ ở mật số  $10^7$  và  $10^8$ /ml đối với vi khuẩn *R. solanacearum* gây bệnh héo xanh trên cây vạn thọ trong điều kiện nhà lưới qua một lần xử lý đất trước khi trồng.

**Thí nghiệm 2b:** Đánh giá khả năng phòng vi của hỗn hợp vi khuẩn vùng rễ, hỗn hợp thực khuẩn thể và hỗn hợp thực khuẩn thể kết hợp vi khuẩn vùng rễ ở mật số  $10^7$  và  $10^8$  /ml đối với vi khuẩn *R. solanacearum* gây bệnh héo xanh trên cây vạn thọ trong điều kiện nhà lưới qua hai lần là xử lý đất một tuần trước khi trồng cây và xử lý lần 2 sau 10 ngày trồng cây vào chậu khi cây xuất hiện bệnh.

Nguyễn Thị Thúy Duy, 2024. Hiệu quả của hợp chất nano Chitosan – Salicylic acid đối với bệnh héo rũ trên dưa leo (*Cucumis sativus* L.) do nấm *Fusarium oxysporum* f.sp. *cucumerinum* gây ra. Luận văn Tốt nghiệp Đại học, Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: Ts. Lê Thanh Toàn

---

## TÓM LƯỢC

Đề tài “Hiệu quả của hợp chất nano Chitosan – Salicylic acid đối với bệnh héo rũ trên dưa leo (*Cucumis sativus* L.) do nấm *Fusarium oxysporum* f.sp. *cucumerinum* gây ra” được thực hiện từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 04 năm 2024 tại khoa Bảo vệ Thực vật, trường Nông nghiệp thuộc trường Đại học Cần Thơ nhằm mục tiêu: (1) Xác định thời điểm trị bệnh hiệu quả của hợp chất nano Chitosan-SA đối với bệnh héo rũ trên cây dưa leo trong điều kiện nhà lưới. (2) Xác định hiệu quả của hợp chất nano Chitosan-SA đối với bệnh héo rũ và năng suất cây dưa leo trong điều kiện nhà lưới. Đề tài được hoàn thành với các nội dung chính như sau:

Thí nghiệm một là xác định thời điểm trị bệnh héo rũ hiệu quả. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 8 nghiệm thức (CS-SA 25, CS-SA 35, CS-SA 45, CS-SA 25-35, CS-SA 25-45, CS-SA 35-45, Hexaconazole và ĐC), mỗi nghiệm thức tương ứng với 3 lần lặp lại, mỗi lặp lại tương ứng với hai chậu đất, mỗi chậu đất gồm 4 cây. Các nghiệm thức dưa leo được lây bệnh tại thời điểm 25 ngày sau khi gieo, sau đó ghi nhận chỉ tiêu bệnh và đánh giá hiệu quả bệnh vào các thời điểm 40, 50 và 60 ngày sau khi gieo. Kết quả ghi nhận được thời gian trị bệnh hiệu quả bệnh héo rũ do nấm *Fusarium oxysporum* f.sp. *cucumerinum* gây ra bằng hợp chất Chitosan-SA là nghiệm thức CS-SA 25-35 khi có chỉ số bệnh thấp và hiệu quả giảm bệnh cao hơn các nghiệm thức xử lý bệnh bằng Chitosans-SA ở các thời điểm khác.

Thí nghiệm hai là khảo sát hiệu quả của các biện pháp xử lý bệnh khác nhau. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (CS-SA 10; CS-SA 25-35; CS-SA 10,25-35; ĐCD và ĐC) mỗi nghiệm thức tương ứng với 3 lần lặp lại, mỗi lặp lại tương ứng với hai chậu đất, mỗi chậu đất gồm 4 cây. Các nghiệm thức dưa leo được lây bệnh tại thời điểm 25 ngày sau khi gieo, sau đó ghi nhận chỉ tiêu bệnh, đánh giá hiệu quả bệnh, chiều cao cây và năng suất cây vào các thời điểm 40, 50 và 60 ngày sau khi gieo. Số liệu khảo sát đã xác định được biện pháp xử lý phòng bệnh tại thời điểm 10 ngày sau khi gieo kết hợp với thời điểm trị bệnh hiệu quả tối ưu ở thí nghiệm 1 (phun Chitosan-SA 25 và 35 ngày sau khi gieo). Cụ thể là biện pháp phòng kết hợp trị cho thấy chỉ số bệnh thấp, hiệu quả giảm bệnh cao, năng suất và chiều dài dây lớn hơn hai nghiệm thức xử lý trị bệnh và phòng bệnh.

**Từ khóa:** bệnh héo rũ, nano chitosan, *Fusarium oxysporum* f.sp. *cucumerinum*, cây dưa leo.

Nguyễn Quốc Đạt, 2024. “**Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ trong phòng trừ bệnh đốm lá trên ớt do vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* ở điều kiện phòng thí nghiệm**”.  
Luận văn tốt nghiệp đại học, khoa Bảo vệ thực vật, Trường Nông Nghiệp, Đại học Cần Thơ.  
Người hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga

## TÓM LƯỢC

Đề tài “*Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ trong phòng trừ bệnh đốm lá trên ớt do vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* ở điều kiện phòng thí nghiệm*” được thực hiện từ tháng 1/2023 đến tháng 11/2023, tại phòng thí nghiệm bệnh cây C102, khoa Bảo vệ thực vật, nhằm mục đích tuyển chọn được các chủng vi khuẩn vùng rễ có khả năng đối kháng cao với vi khuẩn *X. euvesicatoria* để làm nguồn vật liệu cho nghiên cứu phòng trừ bệnh trên cây ớt.

Đề tài bao gồm 3 thí nghiệm:

**Thí nghiệm 1:** Phân lập vi khuẩn vùng rễ cây ớt ở các giai đoạn phát triển thuộc các tỉnh Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp, Sóc Trăng, An Giang, Hậu Giang. Kết quả phân lập vi khuẩn vùng rễ được 288 chủng vi khuẩn vùng rễ trong đó có 237 chủng vi khuẩn thuộc chi *Bacillus*, 21 chủng vi khuẩn thuộc nhóm *Pseudomonas* phát huỳnh quang, 30 chủng vi khuẩn thuộc gram âm không phát huỳnh quang.

**Thí nghiệm 2:** Tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ có khả năng đối kháng với vi khuẩn *X. euvesicatoria* trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả ghi nhận có 15 chủng vi khuẩn có bán kính vòng vô khuẩn trên 6 mm. Trong đó có 3 chủng vi khuẩn C44, *Pseudomonas* PHQ P53 và *Bacillus* B219 có khả năng đối kháng cao với và duy trì ổn định so với các chủng còn lại.

**Thí nghiệm 3:** Khảo sát khả năng phân giải protein của 15 chủng vi khuẩn vùng rễ trên môi trường Skim milk. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 15 nghiệm thức với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy có 3 chủng vi khuẩn C44, *Bacillus* B145 và *Bacillus* B183 có bán kính vòng phân giải cao nhất lần lượt là 21 mm, 19,5 mm và 19,8 mm.

**Từ khóa:** *Bacillus*, *Pseudomonas* phát huỳnh quang, vi khuẩn vùng rễ, *Xanthomonas euvesicatoria*

Phạm Quốc Duy, 2024. **Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn thể trong phòng trừ bệnh đốm lá trên cây ớt do vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* ở điều kiện phòng thí nghiệm.** Luận văn tốt nghiệp đại học, Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Người hướng dẫn: TS. Đoàn Thị Kiều Tiên

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn thể trong phòng trừ bệnh đốm lá trên cây ớt do vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* ở điều kiện phòng thí nghiệm” được thực hiện từ tháng 1/2023 đến tháng 12/2023, tại phòng thí nghiệm Bệnh cây và nhà lưới Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ nhằm tìm ra một số dòng thực khuẩn thể triển vọng làm cơ sở trong phòng trị bệnh đốm lá trên cây ớt ở điều kiện nhà lưới.

Phân lập được 12 chủng vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* tại 6 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long An Giang (4 chủng), Vĩnh Long (4 chủng), Đồng Tháp (1 chủng), Cần Thơ (1 chủng), Hậu Giang (1 chủng), Sóc Trăng (1 chủng). Trong đó, chủng vi khuẩn XanVL2 là chủng gây hại cao hơn so với chủng vi khuẩn còn lại ở điều kiện nhà lưới.

Phân lập được 12 dòng Thực khuẩn thể ký sinh chủng vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* chiếm tỷ lệ 91,6%. Trong đó, 6 dòng thực khuẩn thể (ký hiệu là  $\Phi$ L7,  $\Phi$ Đ3,  $\Phi$ ĐT2L,  $\Phi$ VL1,  $\Phi$ VL2,  $\Phi$ ĐT10B3) có khả năng ký sinh trên nhiều chủng vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* với tỷ lệ trên 88,8%.

Tuyển chọn thực khuẩn thể triển vọng ký sinh vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* (XanVL2) gây bệnh đốm lá trên cây ớt (là chủng vi khuẩn gây hại cao ở điều kiện nhà lưới) thông qua Log mật số và đường kính đốm tan. Kết quả đánh giá khả năng nhân mật số và đường kính đốm tan của 6 dòng thực khuẩn thể ( $\Phi$ L7,  $\Phi$ Đ3,  $\Phi$ ĐT2L,  $\Phi$ VL1,  $\Phi$ VL2,  $\Phi$ ĐT10B3) trên vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* sau 3 thời điểm 12 giờ, 24 giờ và 36 giờ ghi nhận 3 dòng thực khuẩn thể  $\Phi$ Đ3,  $\Phi$ VL2 và  $\Phi$ ĐT10B3 có khả năng nhân mật số và đường kính đốm tan cao hơn so với các dòng thực khuẩn thể còn lại

Tuyển chọn thực khuẩn thể triển vọng ký sinh hỗn hợp chủng vi khuẩn *Xanthomonas euvesicatoria* (XanVL2, XanST, XanAG5) gây bệnh đốm lá trên cây ớt thông qua Log mật số và đường kính đốm tan.

Kết quả ghi nhận 2 dòng thực khuẩn thể  $\Phi$ VL2 và  $\Phi$ Đ3 có đường kính đốm tan hơn dòng thực khuẩn thể còn lại.

Từ khóa: Bệnh đốm lá, cây ớt, thực khuẩn thể, *Xanthomonas euvesicatoria*

Phạm Trung Nguyên, 2024. “**Phân lập và xác định tác nhân gây bệnh thối thân trên cây bắp**”. Luận văn tốt nghiệp đại học, Ngành Bảo vệ thực vật, trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Người hướng dẫn: TS. Đoàn Thị Kiều Tiên.

## TÓM LƯỢC

Đề tài được thực hiện tại phòng thí nghiệm bệnh cây và nhà lưới của Khoa Bảo vệ thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ từ tháng 02/2023 đến tháng 5/2024, nhằm mục đích xác định tác nhân gây bệnh thối thân trên cây bắp.

Kết quả đạt được:

1. Xác định tác nhân gây bệnh thối thân trên cây bắp tại các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ. Kết quả thu được 8 chủng vi khuẩn đều là vi khuẩn Gram âm, có khả năng sinh trưởng, phát triển trong điều kiện hiếu khí và kỵ khí ở phản ứng phân hủy và oxy hóa carbohydrate và tạo khuẩn lạc màu trắng trên môi trường Yeast extract – dextrose –  $\text{CaCO}_3$  và cả 8 chủng vi khuẩn đều gây triệu chứng thối nhũn theo quy tắc Koch. Vì vậy, cả 8 chủng vi khuẩn này thuộc chi Pectobacterium. Tiếp theo, định danh chủng Pc32 gây bệnh thối thân trên cây bắp bằng kỹ thuật sinh học phân tử thông qua cặp mồi đặc hiệu (Ec001F/Ec001R) đã xác định được tác nhân gây bệnh thối thân bắp do vi khuẩn Pectobacterium carotovorum.

2. Đánh giá khả năng gây bệnh thối thân trên cây bắp của 8 chủng vi khuẩn phân lập: Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên một nhân tố với 8 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. Kết quả cả 8 chủng vi khuẩn có triệu chứng thối nhũn trên cây bắp, trong đó chủng Pc32 là chủng gây hại mạnh nhất với chiều dài vết bệnh lần lượt 3 ngày sau chủng bệnh là 2,24 cm, 8,26 cm và 12,56 cm.

**Từ khóa:** bệnh thối thân, bắp, Pectobacterium carotovorum.

Nguyễn Bảo Lâm, 2024. “**Tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ trong phòng trừ bệnh thối gốc trên cây ớt do nấm *Sclerotium rolfsii***”. Luận văn tốt nghiệp đại học, Ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Nga.

## TÓM LƯỢC

Đề tài được thực hiện tại phòng thí nghiệm bệnh cây và nhà lưới của Khoa Bảo vệ Thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ từ tháng 01/2023 đến tháng 4/2024 nhằm mục đích tuyển chọn những chủng vi khuẩn vùng rễ có hiệu quả phòng trừ đối với bệnh thối gốc trên cây ớt do nấm *Sclerotium rolfsii*.

Đánh giá khả năng đối kháng của các chủng vi khuẩn vùng rễ đối với *S. rolfsii* tác nhân gây bệnh thối gốc trên ớt trong điều kiện phòng thí nghiệm. (1) Kết quả đánh giá nhanh khả năng đối kháng của 288 chủng vi khuẩn vùng rễ ớt đối với *S. rolfsii* trong điều kiện phòng thí nghiệm qua đó cho thấy 9 chủng vi khuẩn *Bacillus* B93, B280, B36, B89, B281, B88, B94, B213, B91, 1 chủng vi khuẩn *Pseudomonas* phát huỳnh quang (PHQ) P133 thể hiện khả năng ức chế sự phát triển của khuẩn ty *S. rolfsii* cao nhất với bán kính vòng vô khuẩn cao hơn tất cả các chủng vi khuẩn còn lại. (2) Kết quả đánh giá khả năng đối kháng của 10 chủng vi khuẩn vùng rễ được tuyển chọn. Thí nghiệm bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên, 4 lần lặp lại với 10 nghiệm thức ghi nhận 2 chủng *Bacillus* B93, B213 và 1 chủng *Pseudomonas* (PHQ) P133 cho khả năng ức chế sự phát triển khuẩn ty *S. rolfsii* cao nhất với vòng bán kính vô khuẩn lần lượt là 4,2 mm; 4,7 mm; 5,5 mm ở thời điểm sau 3 ngày bố trí.

Kết quả đánh giá hiệu quả phòng trừ của ba chủng vi khuẩn vùng rễ triển vọng đối với bệnh thối gốc ớt do *S. rolfsii* trong điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm được thực hiện trên cây lớn bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố, với 4 lần lặp lại, xử lý vi khuẩn ở mật số  $10^8$  cfu/ml, bằng phương pháp tưới gốc ở 2 thời điểm. Kết quả ghi nhận được vi khuẩn B213 mang lại hiệu quả phòng trừ tương đối hiệu quả với tỷ lệ bệnh 25% và trung bình cấp bệnh 1,4 khác biệt so với đối chứng tỷ lệ bệnh 77,5% và trung bình cấp bệnh 2,4 ở thời điểm 5 ngày sau khi lây bệnh.

**Từ khóa:** *Bacillus*, *Pseudomonas* phát huỳnh quang, *Sclerotium rolfsii*, vi khuẩn vùng rễ

Huỳnh Nhật Thanh và Đỗ Quốc Trường, 2023. “Điều tra tình hình gây hại và đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc hóa học đối với Sùng khoai lang, *Cylas formicarius* Fab. (Coleoptera: Curculionidae) tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long”. Luận văn tốt nghiệp đại học, ngành Bảo Vệ Thực Vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. ? trang

Cán bộ hướng dẫn: TS. Châu Nguyễn Quốc Khánh.

---

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “Điều tra tình hình gây hại và đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc hóa học đối với Sùng khoai lang, *Cylas formicarius* Fab. (Coleoptera: Curculionidae) tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.” được thực hiện trong thời gian từ tháng 04/2022 đến tháng 02/2024 ở thực tế ngoài ruộng và tại phòng thí nghiệm, trường Nông nghiệp - Đại học Cần Thơ đạt được một số kết quả như sau:

Qua kết quả điều tra 30 nông hộ trồng Khoai lang trên huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long cho thấy: Diện tích canh tác của các nông hộ dao động từ 1.000 - 7.000 m<sup>2</sup> và các nông hộ canh tác từ 1 - 2 vụ/năm đạt (10% - 90%). Sử dụng nguồn giống có sẵn và các giống khoai được trồng chủ yếu là: khoai Tím Nhật chiếm tỉ lệ 50%, khoai Trắng Sữa chiếm tỉ lệ 26,67% và khoai Trắng (Tàu nghen) chiếm tỉ lệ 23,33%. Theo nông dân các loài côn trùng gây hại gồm Rầy phấn trắng, Sâu đục củ, Sâu đục dây,...nhưng gây hại chủ yếu trên ruộng là Sùng khoai lang xuất hiện với tỉ lệ 100%, mức độ gây hại từ ?%. Nông dân quản lý các dịch hại trên bằng nhiều loại thuốc khác nhau, bao gồm: Lufenron 050EC, Dofama 77EC, Bestox 5EC,...

Khảo sát mật số của Sùng khoai lang (*Cylas formicarius*) bằng bẫy pheromone giới tính ở 30 ruộng trung bình 978,4 con/bẫy/ngày và tỉ lệ gây hại trên 1 tạ Khoai thu hoạch dao động từ 1-5%.

Đánh giá hiệu lực của các loại thuốc trừ sâu hóa học: Taisieu 1.9EC, Sectox 100WP, Newchest 500WG, Sadamir 200WP, Cydansuper 250EC đối với SKL trong phòng thí nghiệm cho ta thấy tất cả các loại thuốc đều có khả năng gây chết SKL, hiệu lực gây chết rất cao sau 7 ngày xử lí và cho ĐHH dao động từ 43,2% đến 100%, trong đó cao nhất là Cydansuper 250EC với ĐHH 100% . Đối với các loại thuốc sinh học: DiPel 6.4WG, NeemNim 0.3EC, Trusach 2.5EC, Dầu Neem, Taisieu 1.9EC hiệu lực gây chết chậm hơn nhưng vẫn mang lại hiệu quả cao sau 10 ngày xử lí, ĐHH dao động từ 74,6 - 100%. Cao nhất là NeemNim 0.3EC và Taisieu 1.9EC với ĐHH 100%.

**Từ khóa:** cây Khoai lang, *Cylas formicarius*, Sùng khoai lang

**Tên Đề Tài: “Tuyển chọn những dòng vi khuẩn vùng rễ có khả năng phòng trừ bệnh thán thư trên ớt do nấm *Colletotrichum* sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm”.**

2 Tên cán bộ hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Thị Thu Nga

3 Tên sinh thực hiện; Ngụy Thanh Nam

4 Nội dung tóm lược:

Đề tài “Tuyển chọn những dòng vi khuẩn vùng rễ có khả năng phòng trừ bệnh thán thư trên ớt do nấm *Colletotrichum* sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm” được thực hiện từ 5/2023 đến 5/2024 tại khoa bảo vệ thực vật, trường Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ với mục đích tuyển chọn ra các chủng vi khuẩn vùng rễ có khả năng phòng trị bệnh thán thư trên ớt do nấm *Colletotrichum* sp. Tìm ra một tác nhân phòng trừ sinh học mới có hiệu quả trong việc phòng trị bệnh thán thư trên cây ớt để góp phần giảm thiểu tác động của thuốc bảo vệ thực vật hóa học lên môi trường.

Bốn chủng nấm *Colletotrichum* spp. đã được thu thập và phân lập từ các mẫu bệnh thán thư trên ớt tại bốn tỉnh Vĩnh Long, tỉnh An Giang, tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ. Kết quả ghi nhận được đã xác định được cả 4 chủng nấm đều có bào tử hình trụ và đều có khả năng gây bệnh thán thư trên trái ớt. Bên cạnh đó kết quả đánh giá khả năng gây hại của 4 chủng nấm *Colletotrichum* spp. ở điều kiện in vitro cho thấy các chủng nấm *Colletotrichum* spp. được phân lập ở tỉnh Vĩnh Long, tỉnh An Giang, tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ đều khác biệt không ý nghĩa thống kê. Trong đó chủng nấm *Colletotrichum* spp. được phân lập ở tỉnh Vĩnh Long cho chiều dài lớn qua các thời điểm khảo sát do đó sát chủng nấm *Colletotrichum* sp. được phân lập ở tỉnh Vĩnh Long chọn để làm thí nghiệm tiếp theo.

Tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ có khả năng đối kháng với nấm *Colletotrichum* sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm thông qua đánh giá sơ bộ khả năng đối kháng của 288 chủng vi khuẩn vùng rễ đối với nấm *Colletotrichum* sp. với 2 lần lặp lại. Kết quả xác định 14 chủng triển vọng với 3 chủng VKVR có bán kính vòng vô khuẩn dao động từ 3,25 đến 11,5 mm. Tiếp tục so sánh khả năng đối kháng của 14 chủng VKVR triển vọng đối với *Colletotrichum* sp. được thực hiện với 4 lần lặp lại. Kết quả ghi nhận 3 chủng vi khuẩn: B36, B137 và B155 có khả năng đối kháng cao và duy trì ổn định hơn so với các chủng còn lại và được chọn để thực hiện thí nghiệm tiếp theo.

Đánh giá hiệu quả phòng trừ bệnh thán thư trên ớt do nấm *Colletotrichum* sp. của ba chủng vi khuẩn *Bacillus* B36, B137 và B155, xạ khuẩn 21 và Serenade SC ở điều kiện phòng thí nghiệm. Qua kết quả khảo sát cho thấy ở chủng vi khuẩn *Bacillus* B137 cho hiệu quả kiểm soát bệnh thông qua chiều dài vết bệnh nhỏ hơn so với các nghiệm thức còn lại tại thời điểm 6 NSKLB và 9 NSKLB.



. Đề tài: Nghiên cứu khả năng ức chế cỏ dại ruộng lúa của dịch trích sao nhái vàng (*Cosmos sulphureus*)

2. Cán bộ hướng dẫn: Hồ Lệ Thi

3. Sinh viên thực hiện: Nguyễn Duy Khánh

4. Tóm lược: Đề tài “Nghiên cứu khả năng ức chế cỏ dại ruộng lúa của dịch trích sao nhái vàng (*Cosmos sulphureus*)” được thực hiện tại phòng thí nghiệm tòa nhà công nghệ cao (CTU-ATL) và nhà lưới khoa Bảo Vệ Thực Vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại Học Cần Thơ.

Các thí nghiệm nghiên cứu khả năng ức chế thực vật của dịch trích sao nhái vàng (*Cosmos sulphureus*) 60 ngày tuổi lên sự phát triển chồi và rễ của cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crus-galli*), cỏ đuôi phụng (*Leptochloa chinensis*), cỏ chác (*Fymbristylis miliaceae*) và cải bẹ xanh (*Brassica juncea*) được thực hiện trong điều kiện phòng thí nghiệm với các mục tiêu: (1) Khảo sát ảnh hưởng của dịch trích tổng các bộ phận sao nhái vàng 60 ngày tuổi (SNV60) bằng phương pháp sinh trắc lên 3 loại cỏ lồng vực nước, cỏ đuôi phụng và cỏ chác; (2) Khảo sát ảnh hưởng của dịch trích các bộ phận SNV60 lên cải bẹ xanh.

Sau khi tiến hành các thí nghiệm trong phòng thí nghiệm, tiếp tục sử dụng bộ phận SNV60 có tính ức chế thực vật cao nhất để đánh giá hiệu quả ức chế cỏ dại của nó trên ba loài cỏ cỏ lồng vực nước, cỏ đuôi phụng và cỏ chác giai đoạn hậu nảy mầm sớm trong điều kiện nhà lưới nhằm xác định: (1) Nồng độ dịch trích cho hiệu quả ức chế cỏ dại tối ưu nhất; (2) Loại phụ gia kết hợp với dịch trích sao nhái cho hiệu quả ức chế tốt nhất.

Kết quả khảo sát ở điều kiện phòng thí nghiệm cho thấy sự ức chế của dịch trích SNV60 lên sự phát triển thân, rễ của cỏ lồng vực nước là 77,24% và 97,74% ở mức nồng độ 0,48g/mL, của cỏ đuôi phụng và cỏ chác lần lượt là (96,84%; 100%) và (92,98%; 100%) ở mức nồng độ 0,24g/mL. Kết quả khảo sát ảnh hưởng của dịch trích của các bộ cây SNV60 lên cải bẹ xanh cho thấy hiệu quả ức chế của dịch trích lá đạt hiệu quả cao hơn các bộ phận còn lại.

Kết quả khảo sát trong điều kiện nhà lưới cho thấy ở thời điểm 14 ngày sau khi phun thuốc, dịch trích lá SNV60 ở nồng độ 0.48g/mL và 0.96g/mL xử lý giai đoạn hậu nảy mầm có khả năng ức chế sự phát triển chồi của cỏ lồng vực nước (23,57%; 26,37%), cỏ đuôi phụng (50%; 50%) và cỏ chác (44,8%; 48,53%). Hỗn hợp dịch trích với chất phụ gia Esterified Vegetable oil làm tăng đáng kể khả năng ức chế sự phát triển chồi của ba loài cỏ nói trên với hiệu quả ức chế ở thời điểm 14 ngày sau khi phun thuốc trên cỏ lồng vực nước, cỏ đuôi phụng và cỏ chác tương ứng là 58,3%, 50,9% và 46,5% so với dịch trích không phối hợp với phụ gia là 20%, 32,2% và 26,8%. Kết quả đề tài cho thấy, dịch trích lá SNV60 có thể được nghiên cứu xa hơn nhằm sử dụng kết hợp để diệt cỏ dại theo hướng canh tác hữu cơ trong nông nghiệp bền vững.

đề tài: Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ phòng trị bệnh thán

thur trên hành lá do nấm *Colletotrichum gloeosporioides* ở điều kiện phòng thí

NGHIỆM và nhà lưới.

Cán bộ hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Thị Thu Nga

Sinh Viên Thực Hiện; Lê Văn Sơn

## TÓM LƯỢC

Đề tài “Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ phòng trị bệnh thán thur trên hành lá do nấm *Colletotrichum gloeosporioides* ở điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới” được thực hiện từ 8/2022 đến 10/2023 tại Khoa Bảo Vệ Thực Vật, trường Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ với mục đích phân lập và tuyển chọn ra các chủng vi khuẩn vùng rễ có khả năng phòng trị bệnh thán thur trên hành lá do nấm *Colletotrichum gloeosporioides*. đề tài góp phần phát triển biện pháp sinh học trong phòng trừ mầm bệnh. Bốn chủng nấm *Colletotrichum spp.* đã được thu thập và phân lập từ các mẫu bệnh thán thur trên hành lá được phân lập tại bốn địa điểm là tỉnh Vĩnh Long, tỉnh An Giang, tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ.

- (1) Phân lập được 222 chủng vi khuẩn trong đó có 108 chủng vi khuẩn thuộc chi *Bacillus* 60 chủng vi khuẩn thuộc chi *Pseudomonas* phát huỳnh quang và 54 chủng vi khuẩn thuộc Gram âm nhưng không phát huỳnh quang vào ở giai đoạn cây hành lá từ 35- 50 ngày ở các tỉnh Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Lâm Đồng, Đồng Tháp và Hậu Giang.
- (2) Tuyển chọn được 16 chủng VKVR triển vọng đối với *C. gloeosporioides* chiếm tỉ lệ 7,2%, trong đó có 16 chủng triển vọng với 3 chủng VKVR có bán kính vòng vô khuẩn từ 5 – 8 mm, có 13 chủng VKVR có bán kính vô khuẩn từ 9 – 12 mm. Đánh giá khả năng đối kháng của 16 chủng VKVR triển vọng đối với *C. gloeosporioides* được thực hiện với 4 lần lặp lại. Kết quả ghi nhận 2 chủng vi khuẩn: *Bacillus CT22* và *Bacillus CT29* có khả năng đối kháng cao và duy trì ổn định hơn so với các chủng còn lại.
- (3) Đánh giá hiệu quả phòng trừ bệnh thán thur trên hành lá do nấm *C. gloeosporioides* bằng vi khuẩn vùng rễ đối kháng là vi khuẩn *Bacillus CT22* và vi khuẩn *Bacillus CT29* lần lượt ở các nghiệm thức (vi khuẩn *Bacillus CT22*  $10^7$  cfu/ml, vi khuẩn *Bacillus CT22*  $10^8$  cfu/ml, vi khuẩn *Bacillus CT29*  $10^7$  cfu/ml, vi khuẩn *Bacillus CT29*  $10^8$  cfu/ml, hỗn hợp  $10^7$  cfu/ml và hỗn hợp  $10^8$  cfu/ml) ở điều kiện nhà lưới. Qua kết quả khảo sát cho thấy ở nghiệm thức hỗn hợp  $10^8$  cfu/ml cho hiệu quả giảm bệnh thông qua tỷ lệ bệnh và trung bình phần trăm diện tích lá bệnh cao hơn so với các nghiệm thức khác tại thời điểm 3 NSKLB, 6 NSKLB và 9 NSKLB.

**Từ khóa:** *Bacillus*, *Colletotrichum gloeosporioides*, cây hành lá, *Pseudomonas*

phát huỳnh quang, vi khuẩn vùng rễ.

Phùng Đặng Linh Bảo, 2024. “**Triển vọng ức chế cỏ dại của dịch trích cúc sao nhái cam (*Cosmos bipinnatus*) và sao nhái đỏ (*Cosmos atrosanguineus*).** Luận văn tốt nghiệp Đại Học, chuyên ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Đại Học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: TS. Hồ Lệ Thi.

## TÓM LƯỢC

Với sự xâm nhiễm ngày càng nghiêm trọng của cỏ dại và lúa cỏ trên ruộng lúa, việc tìm kiếm phương pháp kiểm soát hiệu quả và an toàn trở nên cần thiết. Trong nghiên cứu này, chúng tôi quan tâm đến tiềm năng ức chế của dịch trích cúc sao nhái cam (*Cosmos bipinnatus*) và sao nhái đỏ (*Cosmos atrosanguineus*) đối với cỏ dại, lúa cỏ.

Nghiên cứu này mục tiêu nhằm đánh giá hiệu quả ức chế của dịch trích sao nhái cam và sao nhái đỏ lên sự phát triển của cây cải bẹ xanh, cỏ lồng vực nước, cỏ đuôi phụng, cỏ chác, lúa cỏ và ảnh hưởng của chúng lên sự sinh trưởng và phát triển của 3 giống lúa trồng OM 5451, OM 380 và OM 18.

Nghiên cứu được thực hiện với 3 thí nghiệm chính: (1) So sánh hiệu quả ảnh hưởng của dịch trích sao nhái cam và sao nhái đỏ lên cải bẹ xanh. (2) Đánh giá hiệu quả ảnh hưởng của dịch trích sao nhái cam lên cỏ lồng vực nước, đuôi phụng, cỏ chác và lúa cỏ; (3) Khảo sát sự ảnh hưởng của dịch trích sao nhái cam lên 3 giống lúa OM 5451, OM 380 và OM 18. Nồng độ dịch trích sử dụng lần lượt là 0,03; 0,06; 0,12; 0,24 và 0,48 g/mL, được thực hiện ở nhiệt độ 25°C trong điều kiện tối, chiều dài thân mầm và rễ mầm được ghi nhận sau 48 giờ.

Kết quả cho thấy dịch trích từ cây sao nhái cam và sao nhái đỏ đều có khả năng ức chế sự phát triển của cây cải bẹ xanh. Ở nồng độ 0,48 g/mL, dịch trích từ sao nhái cam cho thấy hiệu quả ức chế vượt trội hơn so với sao nhái đỏ, với tỷ lệ ức chế trên cây cải bẹ xanh ở mức trên 70%. Vì vậy, dịch trích cây sao nhái cam đã được chọn để tiếp tục thử nghiệm trên cỏ lồng vực nước, cỏ đuôi phụng, cỏ chác và lúa cỏ. Hiệu quả ức chế của dịch trích ở nồng độ 0,48 g/mL trên thân mầm của các loại cây như sau: lồng vực nước (57,06%), cỏ đuôi phụng (100%), cỏ chác (100%) và lúa cỏ (52,18%). Trong khi đó, hiệu quả ức chế lên rễ mầm của các loại cây: lồng vực nước (69,84%), cỏ đuôi phụng (100%), cỏ chác (100%) và lúa cỏ (80,80%). Kết quả thử nghiệm trên các giống lúa OM cho thấy giống OM 18 ít bị ảnh hưởng bởi dịch trích sao nhái cam hơn hai giống lúa còn lại là OM 5451 và OM 380.

Kết quả nghiên cứu mở ra triển vọng cho việc sử dụng dịch trích sao nhái cam như một biện pháp an toàn và hiệu quả để kiểm soát cỏ dại trong ruộng lúa. Đồng thời, nghiên cứu này cũng cung cấp cơ sở cho việc phát triển các chất đối kháng thực vật từ cây sao nhái cam cho việc quản lý cỏ dại, hướng đến một nền nông nghiệp bền vững.

**Từ khóa:** sao nhái cam (*Cosmos bipinnatus*), sao nhái đỏ (*Cosmos atrosanguineus*), cỏ lồng vực nước, cỏ đuôi phụng, cỏ chác, lúa cỏ, lúa trồng.

## 1. Tên đề tài:

Nghiên cứu hiệu quả ức chế cỏ dại ruộng lúa của dịch trích sao nhái Trắng (*Cosmos pringlei*) và sao nhái Hồng (*Cosmos caudatus*) trong điều kiện phòng thí nghiệm.

## 2. Cán bộ hướng dẫn:

Tiến sĩ Hồ Lệ Thi

## 3. Sinh viên thực hiện:

Võ Phước Thiện

## 4. Nội dung tóm lược:

Đề tài "Nghiên cứu hiệu quả ức chế cỏ dại ruộng lúa của dịch trích sao nhái trắng (*Cosmos pringlei*) và sao nhái hồng (*Cosmos caudatus*) trong điều kiện phòng thí nghiệm" được thực hiện tại phòng thí nghiệm 5.19, tòa nhà công nghệ cao (CTU-ATL), trường Đại Học Cần Thơ, nhằm khảo sát ảnh hưởng của dịch trích từ hai loài sao nhái trắng và sao nhái hồng đối với sự phát triển của một số loại cỏ dại trên ruộng lúa và giống lúa OM380. Đề tài được tiến hành trong điều kiện phòng thí nghiệm với các mục tiêu sau:

Khảo sát ảnh hưởng của dịch trích từ sao nhái trắng và sao nhái hồng đối với sự phát triển của cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crus-galli*), cỏ đuôi phụng (*Leptochloa chinensis*), cỏ chác (*Fymbristylis miliaceae*), loại lúa OM 380; Đo lường sự phát triển của các loại cỏ dại và lúa sau khi tiếp xúc với các nồng độ khác nhau của dịch trích.

Kết quả cho thấy ở cùng nồng độ 0,48 g/mL, dịch trích từ sao nhái trắng ức chế sự phát triển thân và rễ của cỏ lồng vực nước là 91,64% và 96,08%, cỏ đuôi phụng đều là 100%, cỏ chác 85,16% và 100%. Dịch trích sao nhái hồng ức chế trên thân và rễ cỏ lồng vực nước là 26,27% và 83,45%, cỏ đuôi phụng là 97,01% và 100%, cỏ chác là 85,13 và 100.

Tại thời điểm 48 giờ sau xử lý lúa OM380 đều bị ức chế nặng sự phát triển chiều dài thân, rễ từ dịch trích sao nhái trắng và sao nhái hồng ở nồng độ 0,48 g/mL. Tuy nhiên, sau 168 giờ xử lý lúa OM380 đều phát triển thân, rễ bình thường và tốt hơn so với đối chứng.

Kết quả nghiên cứu này mở ra tiềm năng cho việc tìm kiếm các chất mới từ thực vật để quản lý cỏ dại một cách hiệu quả trong phát triển nông nghiệp bền vững.

Nguyễn Huỳnh Hồng Huệ, 2024. “Đánh giá hiệu quả của chế phẩm nấm xanh *Metarhizium anisopliae* dạng viên nén lên rầy mềm *Myzus persicae* Sulzer trong điều kiện nhà lưới”. Luận văn Tốt nghiệp Đại học, Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Người hướng dẫn: TS. Trịnh Thị Xuân, ThS. Lâm Thị Xuân Mai

## TÓM LƯỢC

Đề tài được thực hiện từ tháng 07/2023 đến tháng 04/2024 tại phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học và nhà lưới, Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của chế phẩm nấm xanh dạng viên nén lên rầy mềm trong điều kiện nhà lưới. Kết quả đạt như sau

Quá trình sản xuất chế phẩm viên nén nấm xanh *M. anisopliae* trải qua các giai đoạn từ khâu chuẩn bị nguồn nấm, phát triển nấm trên giá thể gạo, thu bào tử bằng phương pháp lắng và lọc, bổ sung thêm chất phụ gia và sấy thăng hoa ở nhiệt độ  $-30^{\circ}\text{C}$  đến  $-50^{\circ}\text{C}$ , kết quả kiểm tra mật số nấm xanh có trong viên chế phẩm cho thấy tổng mật số bào tử và mật số bào tử còn sống đạt lần lượt là  $1,90 \times 10^{10}$  bt/gr –  $1,08 \times 10^{10}$  CFU/g trải qua quá trình sấy thăng hoa tổng mật số bào tử và mật số bào tử sống đạt lần lượt  $1,19 \times 10^{10}$  bt/gr –  $1,14 \times 10^{10}$  CFU/g.

Qua đánh giá hiệu lực của chế phẩm viên nén nấm xanh ở các liều lượng 0,71g/l; 0,83g/l; 1 g/l; 1,67g/l và nấm xanh trên giá thể gạo ở các liều lượng 3,75g/l; 5g/l và 6,25g/l đối với ấu trùng rầy mềm tuổi 2-3 trong điều kiện nhà lưới cho thấy hiệu quả nấm viên nén đạt rất cao, nấm viên nén liều lượng 1,67g/l cho hiệu quả đạt 100%, tương đương với liều lượng 6,25g/l (tương đương 2,5 kg/ha) ở chế phẩm nấm gạo tại cùng thời điểm 9 NSXL.

Từ khóa: nấm xanh *Metarhizium anisopliae*, rầy mềm *Myzus persicae*

**đề tài:** “Khảo sát khả năng phòng trị của một số loại dịch chiết thực vật đối với bệnh cháy bìa lá và bệnh đạo ôn lúa”

**2.Tên cán bộ hướng dẫn:** TS. Nguyễn Chí Cương

**3.Tên sinh viên thực hiện:** Nguyễn Trung Tính, Nguyễn Hoàng Minh Quý

**4.Nội dung tóm lược:**

Nguyễn Hoàng Minh Quý và Nguyễn Trung Tính, 2024. **Khảo sát khả năng phòng trị của một số loại dịch chiết thực vật đối với bệnh cháy bìa lá và bệnh đạo ôn lúa.** Luận văn tốt nghiệp đại học, Khoa Bảo vệ Thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ. Người hướng dẫn TS. Nguyễn Chí Cương

## TÓM LƯỢC

Đề tài “Khảo sát khả năng phòng trị của một số loại dịch chiết thực vật đối với bệnh cháy bìa lá và bệnh đạo ôn lúa” được thực hiện từ tháng 5 năm 2023 đến tháng 4 năm 2024 trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới của Khoa Bảo vệ Thực vật, trường Đại học Cần Thơ. Khảo sát được thực hiện với 10 loài thực vật: Quế hồi, Cúc đại, Rau om tía, Lá lốt, Mù U, Bạch đàn, Trầu không, Cỏ cứt heo, Sả, Tràm được thu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã chiết trong dung môi ethanol thu được cao chiết. Cao chiết được tiến hành thí nghiệm phòng trị bệnh cháy lá do nấm *Pyricularia oryzae* và bệnh cháy bìa lá do vi khuẩn *Xanthomonas oryzae* pv. *oryzae* trong phòng thí nghiệm và nhà lưới, đề tài bao gồm các thí nghiệm sau:

Thí nghiệm 1: “Khảo sát hoạt tính sinh học của 10 loại cao chiết với 3 nồng độ (5, 10 và 20 mg/mL) đối với vi khuẩn *Xanthomonas oryzae* pv. *oryzae*”. Sau 48 giờ khảo sát ở 3 nồng độ thì cao chiết của lá Trầu không và Bạch đàn cho đường kính vòng vô khuẩn (ĐKVVK) lớn hơn các loại cao chiết còn lại. Nồng độ 20 mg/mL ĐKVVK của cao chiết lá Trầu không là 13,7 mm và Bạch đàn 11,3 mm.

Thí nghiệm 2: “Khảo sát khả năng hạn chế bệnh cháy bìa lá do vi khuẩn Xoo gây ra” với cao chiết Bạch đàn và Trầu không ở nồng độ 20 mg/mL. Cả hai cao chiết của Bạch đàn và Trầu không đều có hiệu quả giảm bệnh lần lượt là 49,9% và 32,7%. Cao chiết Bạch đàn có thành phần năng suất lần lượt là số hạt chắc trên bông (91 hạt chắc), tỉ lệ hạt chắc (69,9%) và chiều dài bông (23 cm) đều cao hơn so với đối chứng âm và khác biệt có ý nghĩa.

Thí nghiệm 3: “Khảo sát hoạt tính sinh học của 10 loại cao chiết đối với nấm *P. oryzae* với 3 nồng độ (0,5; 1 và 2 mg/mL). 10 loại cao chiết đều có khả năng ức chế sự phát triển sợi nấm *Pyricularia oryzae*. Trong đó, cao chiết của cỏ Cứt heo và Mù U cho khả năng ức chế sợi nấm lớn nhất với hiệu suất từ 38,8% đến 46% tại ở thời điểm 5 ngày.

Thí nghiệm 4: “Khảo sát khả năng hạn chế bệnh cháy lá do nấm *Pyricularia oryzae* gây ra” của cao chiết Cỏ cứt heo và Mù U ở nồng độ 2mg/mL. Cả hai loại cao chiết đều có hiệu quả giảm bệnh của Cỏ cứt heo là 33,7% và Mù U là 26% ở thời điểm 15 ngày sau phun cao chiết. Cao chiết Cỏ cứt heo có trọng lượng hạt/chậu là 28,6 g cao hơn và khác biệt có ý nghĩa so với đối chứng âm là 19,5 g.

**Từ khóa:** Cao chiết thực vật, cháy bìa lá lúa, cháy lá lúa, dịch chiết thực vật, *Pyricularia oryzae*, *Xanthomonas oryzae* pv. *Oryzae*

1. Tên đề tài: Hiệu lực một số loại thuốc trừ cỏ đối với lúa cỏ, lúa rài trong điều kiện phòng thí nghiệm
2. Tên cán bộ hướng dẫn: Thầy Nguyễn Chí Cương
3. Tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Duy Khang
4. Nội dung tóm lược:

*Đề tài: “Hiệu lực của một số thuốc trừ cỏ đối với lúa cỏ, lúa rài trong điều kiện phòng thí nghiệm” được thực hiện từ tháng 10/2023 đến tháng 4/2024, tại phòng thí nghiệm Khoa Bảo vệ Thực vật nhằm đánh giá hiệu lực hiệu lực thuốc trừ cỏ trên lúa cỏ (lúa cỏ có đuôi) và lúa rài ở những nồng độ khác nhau chọn ra khoảng nồng độ có hiệu quả nhất.*

*Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên tại phòng thí nghiệm của Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm gồm 4 loại thuốc trừ cỏ và đối chứng: Sofit 300 EC với 3 nồng độ (0,375; 0,75; 1,5 lít/ha), Dualgold 960 EC (0,375; 0,75; 1,5 lít/ha), Atas 500 EC với 3 nồng độ (0,5; 1,0; 2,0 lít/ha), Onecide 15 EC với 3 nồng độ (0,5; 1,0; 2,0 lít/ha) và đối chứng (nước). Ở các thời điểm hạt lúa cỏ và lúa rài (OM18) nảy mầm khác nhau: thời điểm hạt no nước, thời điểm hạt nứt nanh, thời điểm hạt ra rễ. Chỉ tiêu được ghi nhận sau 5 ngày xử lý thuốc (NSXLT) so với đối chứng (-).*

*Kết quả ghi nhận từ thí nghiệm cho thấy các nồng độ thuốc trừ cỏ Sofit 300 EC, Dualgold 960 EC, Atas 500 EC, và Onecide 15 EC đều có hiệu quả trong việc diệt hạt lúa cỏ và lúa rài ở các thời điểm hạt nảy mầm, bao gồm các thời điểm no nước, nứt nanh, và ra rễ. Các loại thuốc này không chỉ ảnh hưởng đến sự nảy mầm của hạt mà còn tác động đến đỉnh sinh trưởng và rễ của lúa cỏ (lúa cỏ có đuôi) và lúa rài (OM18).*

***Từ khoá:*** hiệu lực thuốc trừ cỏ, lúa cỏ, ảnh hưởng thuốc trừ cỏ, lúa rài.

# **KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU BỆNH HÉO RŨ DO NẤM *Fusarium* spp. TRÊN CÁC LOẠI CÂY HỌ BẦU BÍ ĐƯA DÙNG LÀM GỐC VÀ NGỌN GHÉP. ‘**

**Cán bộ hướng dẫn:** TS. Võ Thị Bích Thủy

**Sinh viên thực hiện:** Đặng Thị Như Ý, MSSV: B2003184, Lớp NN2073A2

## **TÓM LƯỢC**

Đề tài được thực hiện tại nhà màng công nghệ cao, trường Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2023 nhằm mục tiêu xác định loại cây làm gốc ghép trong họ Bầu bí dưa có khả năng chống chịu tốt đối với bệnh héo rũ do nấm *Fusarium* spp. trong điều kiện lây bệnh nhân tạo. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên, gồm 9 nghiệm thức với 3 lần lặp lại. Chín nghiệm thức gồm chín giống trong họ bầu bí dưa: (1) Bí đao chanh, (2) Bí Bánh xe, (3) Bí Đài Loan, (4) Bình bát dây, (5) Mướp địa phương, (6) Mướp Đài Loan, (7) Dưa gang, (8) Dưa lê gốc (9) Dưa lê Kim Cô Nương dùng làm đối chứng. Kết quả thí nghiệm cho thấy, thời điểm 20 ngày sau khi lây bệnh, 33,3% số cây dưa lê dùng đối chứng xuất hiện bệnh với cấp bệnh là 1,33 và tăng dần đến thời điểm 50 ngày sau khi lây bệnh (76,7% cây nhiễm bệnh, cấp bệnh 3,03), cao nhất so với 8 loại cây làm gốc ghép còn lại. Trong khi đó, hầu hết các nghiệm thức còn lại đến giai đoạn 30 ngày sau khi lây bệnh thì mới xuất hiện triệu chứng bệnh với cấp bệnh nhưng không đáng kể. Giai đoạn 50 ngày sau khi lây bệnh các nghiệm thức bí đao chanh, bí Đài Loan, Bí bánh xe, bình bát dây, mướp địa phương, mướp Đài Loan, dưa gang, dưa lê gốc có tỷ lệ bệnh dao động từ 6,67 - 46,7% (cấp bệnh từ 1,07 – 2,0). Tám loại gốc ghép họ dưa bầu bí được sử dụng trong thí nghiệm có khả năng chống chịu rất tốt với bệnh héo rũ do nấm *Fusarium* spp.. Tuy nhiên, 3 nghiệm thức có khả năng chống chịu bệnh héo rũ cao dùng trong thí nghiệm là gốc bình bát dây (6,67%), dưa lê chuyên dùng làm gốc ghép (10%), bí đao chanh (13,3%) và với cấp bệnh khá thấp lần lượt là 1,07, 1,13, 1,23.

**Từ khóa:** bệnh héo rũ, gốc ghép, dưa lê, nấm *Fusarium* spp.,



1. Tên đề tài

- Khảo sát thành phần tuyến trùng ký sinh trên cây ổi tại huyện châu thành, tỉnh đồng tháp.

2. Tên cán bộ hướng dẫn

- TS. Đoàn Thị Kiều Tiên.

3. Tên Sinh viên thực hiện

- Nguyễn Kim Cương B2011203.

4. Nội dung tóm lược

- *Thí nghiệm 1: Điều tra hiện trạng canh tác và khảo sát thành phần tuyến trùng gây hại trên ổi thuộc 30 vườn trồng ổi tại 8 xã (An Khánh, Phú Hữu, Hòa Tân, An Phú Thuận, Phú Long, Tân Nhuận Đông, An Nhơn, An Hiệp) tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Thí nghiệm được chia làm hai thí nghiệm nhỏ là điều tra hiện trạng canh tác và khảo sát thành phần tuyến trùng. Kết quả điều tra đã ghi nhận thành phần tuyến trùng có 5 chi tuyến trùng trên ổi là Meloidogyne, Helicotylenchus, Tylenchorhynchus, Rotylenchulus, Criconemella.*

- *Thí nghiệm 2: Định danh tuyến trùng quan trọng trên cây ổi bằng phương pháp định danh hình thái và sinh học phân tử tuyến trùng Meloidogyne spp.. Kết quả định danh cho thấy loài tuyến trùng gây hại trên cây ổi là loài tuyến trùng Meloidogyne enterolobii.*

- *Thí nghiệm 3: Khảo sát khả năng gây hại của loài tuyến trùng Meloidogyne enterolobii quan trọng trên ổi. Thí nghiệm chủng nhiễm trứng tuyến trùng Meloidogyne enterolobii ở các mật số khác nhau (0, 10, 100, 1000, 5000, 10000 trứng/ 1kg đất đối với cây ổi con ở 45 ngày tuổi. Kết quả cho thấy các nghiệm thức ở các mật số khác nhau có sự khác biệt về chiều cao cây gia tăng ở các thời điểm 0, 15, 30, 60 ngày sau khi chủng, mật số tuyến trùng trong đất và rễ ở thời điểm 60 ngày sau khi chủng, hệ số sinh sản ở 60 ngày sau khi chủng, phần trăm rễ mang bấu trên cây.*

LÊ HOÀNG ANH, 2024 “Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng và định danh một số chi nấm gây hại trong quá trình nuôi trồng nấm bào ngư vàng *Pleurotus citrinopileatus* và bào ngư hồng *Pleurotus djamor*”. Luận văn tốt nghiệp đại học, ngành Bảo vệ thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn 1: Ts. Lê Thanh Toàn

Cán bộ

hướng dẫn 2: Ncs. Nguyễn Huy Hoàng

## TÓM LƯỢC

Đề tài “Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng và định danh một số loại nấm gây hại trong quá trình nuôi trồng nấm bào ngư vàng *Pleurotus citrinopileatus* và bào ngư hồng *Pleurotus djamor*” được thực hiện từ tháng 05 năm 2023 đến tháng 04 năm 2024 tại Trường đại học Công nghệ Suranaree Thái Lan và khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp Đại học Cần Thơ nhằm mục tiêu: (1) Xác định môi trường dinh dưỡng nuôi cấy cấp 1 tối ưu cho sự phát triển tơ nấm của hai loại nấm. (2) Xác định nhiệt độ tối ưu cho sự phát triển của sợi nấm trên môi trường nuôi cấy tối ưu ở mục tiêu 1. (3) Xác định pH tối ưu cho sự phát triển của sợi nấm trên môi trường nuôi cấy tối ưu ở mục tiêu 1 và nhiệt độ tối ưu ở mục tiêu 2. (4) Xác định ánh sáng tối ưu đến sự phát triển của tơ nấm trên các điều kiện tối ưu ở mục tiêu 1,2 và 3. (5) Xác định thành phần nấm nhiễm trong quá trình nuôi phôi nấm của các hai loại nấm. Đề tài được hoàn thành với các nội dung chính như sau:

Nội dung thí nghiệm 1 là khảo sát điều kiện môi trường nuôi cấy cấp 1 tối ưu cho sự phát triển của sợi nấm. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 lặp lại và 6 nghiệm thức tương ứng với 6 loại môi trường nuôi cấy khác nhau là: PDA (đối chứng), MEA, SDAY1, SDAY3, SDA và YMA. Thí nghiệm bố trí trên đĩa petri trong điều kiện in-vitro. Trong đó, khuẩn lạc của hai loại nấm có đường kính 10 mm được cấy truyền vào tâm đĩa, sau đó ghi nhận chỉ tiêu đường kính khuẩn lạc từ ngày thứ 5 sau khi cấy đến khi có một khuẩn lạc của một nghiệm thức bất kì phát triển đầy đĩa. Kết quả ghi nhận được môi trường MEA (Malt extract: 20g, Đường Dextrose: 20g, Pepton: 5g Agar: 20g, Nước cất: 1000mm) là môi trường tối ưu cho sự phát triển tơ nấm của hai loại nấm.

Nội dung thí nghiệm 2 là khảo sát nhiệt độ tối ưu cho sự phát triển của sợi

. Tên đề tài: **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ MÔ HÌNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DỊCH HẠI THEO HƯỚNG AN TOÀN TRÊN LÚA TẠI HUYỆN LẤP VÒ TỈNH ĐỒNG THÁP VỤ HÈ THU 2023**

2. Cán bộ hướng dẫn : **PGS.TS Nguyễn Thị Thu Nga**

3. Sinh viên thực hiện: **Nguyễn Duy**

4. Nội dung tóm lược

*Đề tài “Đánh giá hiệu quả mô hình áp dụng biện pháp quản lý dịch hại theo hướng an toàn trên lúa tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp vụ Hè Thu 2023”. Đề tài được thực hiện với mục tiêu xác định hiệu quả mô hình áp dụng các giải pháp bảo vệ thực vật gồm sinh học và hóa học trong phòng trừ dịch hại trên lúa theo hướng an toàn đạt yêu cầu về năng suất và yêu cầu về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa cho phép (MRL) theo chuẩn Châu Âu.*

*Đề tài được thực hiện tại xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp từ tháng 4/2022 đến tháng 7/2023 cho kết quả như sau:*

*Mô hình áp dụng chủ yếu dựa vào chế phẩm vi sinh vật hữu hiệu (gồm vi khuẩn Bacillus 55 và Bacillus 61 phòng trị bệnh đạo ôn, thực khuẩn thể phòng trị bệnh cháy bìa lá lúa và lép vàng, vi khuẩn Pseudomonas PHQ 08 phòng trừ nhện nhé và Metarhizium anisopliae phòng trừ rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ) kết hợp thuốc hóa học khi cần thiết áp dụng trên ruộng lúa vụ Hè thu năm 2023 tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đã mang lại hiệu quả phòng trừ được bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, đặc biệt là mang lại hiệu quả phòng trừ bệnh lép vàng và lem lép hạt rất tốt, đồng thời mô hình cũng thể hiện hiệu quả trong phòng trừ rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ và nhện gié. Năng suất thực tế ghi nhận ở nghiệm thức Mô hình có năng suất là 6,7 tấn/ha cao hơn và khác biệt có ý nghĩa với nghiệm thức Đối chứng là 4,6 tấn/ha từ đó góp phần đạt năng suất cao hơn so với nghiệm thức đối chứng. Mô hình đã góp phần bảo vệ năng suất và chất lượng hạt gạo đáp ứng được tiêu chuẩn cho phép về tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, đảm bảo chuẩn xuất khẩu thị trường Châu Âu.*

Trần Phan Quốc Khánh, 2024 “Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ trong phòng trừ bệnh héo vàng trên cải làm dưa do nấm *Fusarium oxysporum*”. Luận văn tốt nghiệp ngành Bảo vệ Thực vật, Khoa Bảo vệ Thực vật Trường Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Nga

## TÓM LƯỢC

Đề tài được thực hiện từ tháng 3/2023 đến tháng 12/2023 trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ nhằm tìm ra chủng vi khuẩn vùng rễ có khả năng đối kháng cao với nấm *Fusarium oxysporum* gây bệnh héo vàng trên cải làm dưa, làm cơ sở cho các nghiên cứu về việc phòng trừ bệnh gây hại trên cây cải làm dưa bằng tác nhân sinh học.

### **Kết quả thí nghiệm gồm 3 nội dung:**

**Nội dung 1:** Phân lập nấm *Fusarium oxysporum* gây bệnh héo vàng trên cải làm dưa và vi khuẩn vùng rễ ở một số tỉnh ĐB SCL.

-Phân lập nấm *Fusarium oxysporum*: Thí nghiệm được thực hiện bằng cách thu mẫu cây cải bị bệnh héo vàng tại Chợ Mới, An Giang. Kết quả phân lập được 1 dòng nấm *F. oxysporum*.

-Phân lập vi khuẩn vùng rễ: Bằng phương pháp phân lập vi khuẩn vùng rễ và phương pháp xác định chi vi khuẩn trên mẫu đất xung quanh rễ cây cải làm dưa tại 5 tỉnh ở An Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Cần Thơ. Kết quả phân lập được 169 chủng vi khuẩn, trong đó 113 chủng vi khuẩn Gram (+), 36 chủng vi khuẩn Gram (-) không phát huỳnh quang và 20 chủng *Pseudomonas* phát huỳnh quang.

**Nội dung 2:** Đánh giá khả năng đối kháng của các chủng vi khuẩn vùng rễ với nấm *F. oxysporum* trong điều kiện *in vitro*. Gồm 2 thí nghiệm:

-Đánh giá nhanh khả năng đối kháng của 169 chủng vi khuẩn vùng rễ với nấm *F. oxysporum*. Thí nghiệm được thực hiện với hai lần lặp lại. Kết quả có 46 chủng vi khuẩn có khả năng đối kháng với nấm *F. oxysporum*. Qua đó chọn ra 6 chủng vi khuẩn có bán kính vòng vô khuẩn trên 9 mm (vi khuẩn B1, B10, B12, B29, Ps34, 48) và 4 dòng vi khuẩn có hiệu suất đối kháng trên 48% (vi khuẩn Ps84, B91, B112, B155).

-Đánh giá khả năng đối kháng của 10 chủng vi khuẩn vùng rễ triển vọng đối với nấm *F. oxysporum*. Thí nghiệm được thực hiện với 5 lần lặp lại. Kết quả ghi nhận được 5 chủng vi khuẩn B12, Ps84, B91, B112, B155 có khả năng đối kháng với nấm *F. oxysporum* cao hơn và khác biệt ý nghĩa so với các chủng còn lại qua các thời điểm 3, 5, 7 ngày sau khi bố trí.

**Nội dung 3:** Đánh giá hiệu quả giảm bệnh của 5 chủng vi khuẩn vùng rễ triển vọng với nấm *F. oxysporum* trong điều kiện nhà lưới. Qua đó cho thấy 2 chủng vi khuẩn *Bacillus* B91 và B155 có hiệu quả giảm bệnh cao và ổn định theo thời gian hơn các nghiệm thức khác.

Từ khóa: *Bacillus*, *Pseudomonas*, *F. oxysporum*, plant growth promoting rhizobacteria

**1. Tên đề tài:** Điều tra thành phần côn trùng gây hại và đánh giá hiệu quả quản lý của tinh dầu sả đối với Sâu đục vỏ trái bưởi, *Prays endocarpa* (Lepidoptera: Yponomeutidae) trên vườn bưởi tại Tỉnh Vĩnh Long.

**2. Tên cán bộ hướng dẫn:** TS. Châu Nguyễn Quốc Khánh

**3. Tên sinh viên thực hiện:**

Trần Ngọc Diệu, MSSV: B2011155

Trần Đình Khoa, MSSV: B1804586

**4. Nội dung tóm lược:**

Đề tài “Điều tra thành phần côn trùng gây hại và đánh giá hiệu quả quản lý của tinh dầu sả đối với Sâu đục vỏ trái bưởi, *Prays endocarpa* (Lepidoptera: Yponomeutidae) trên vườn bưởi Năm Roi tại Tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 07/2023 đến tháng 06/2024 đạt được kết quả như sau:

Qua kết quả điều tra 30 hộ nông dân trồng bưởi tại tỉnh Vĩnh Long, có 11 loài côn trùng và động vật gây hại trên cây bưởi. Theo nông dân loài gây hại nặng và quan trọng nhất là sâu đục trái. Nông dân quản lý dịch hại bằng việc sử dụng nhiều loại thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) như: Cyperan 10EC, Anvado 100WP, Reseagan 3.6EC, Haihamec 3.6EC, Isacop 65.2WG... để phòng ngừa côn trùng.

Khảo sát thành phần côn trùng hiện diện trên 30 vườn ghi nhận được 23 loài côn trùng gây hại thuộc 6 bộ côn trùng, 1 loài ốc sên và 1 loài nhện nhiều hơn so với điều tra nông dân. Trong đó gồm 9 loài thuộc bộ Cánh vảy (Lepidoptera), 1 loài thuộc bộ Cánh tơ (Thysanoptera), 6 loài thuộc bộ Cánh đều (Homoptera), 4 loài thuộc bộ Hai cánh (Diptera), 1 loài thuộc bộ Cánh nửa cứng (Hemiptera), 2 loài thuộc bộ Cánh cứng (Coleoptera), 1 loài thuộc lớp chân bụng: Gastropoda (ốc sên), *Bradybaena* sp. (Stylommatophora: Bradybaenae) và 1 loài nhện đỏ, *Panonychus citri* McGregor (Acari: Tetranychidae). Trong đó, Sâu đục vỏ trái *Prays endocarpa* Sâu vẽ bùa *Phyllosnistis citrella*, Sâu nhiều đọt *Adoxophyes privatana* thuộc bộ: Lepidoptera với TXSH lần lượt là 30, 30, 28 trên 30 vườn điều tra và mức độ phổ biến (+++).

Đánh giá hiệu quả quản lý của tinh dầu sả đối với Sâu đục vỏ trái bưởi, *Prays endocarpa* (Lepidoptera: Yponomeutidae) trên vườn bưởi Năm Roi cho thấy treo 50 túi tinh dầu sả (2 ml/túi) cho hiệu quả quản lý sâu đục vỏ trái tương đương với nghiệm thức phun thuốc hóa học theo nông dân (7 lần/vụ gồm thuốc: Cyperan 10EC, Abamectin 3.6EC, Kumulus 80WG, Reasant 3.6EC,...) và khác biệt hoàn toàn so với nghiệm thức đối chứng không phun thuốc.

**Từ khóa:** Cây bưởi, sâu đục vỏ trái bưởi, *Prays endocarpa*, tinh dầu sả.

Neáng Chanh Dy, 2024. “Nghiên cứu vi khuẩn vùng rễ phòng bệnh héo rũ trên cây dưa leo do *Fusarium oxysporum* trong điều kiện nhà lưới”. Luận văn tốt nghiệp Đại học, Khoa Bảo vệ Thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ.

Người hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga

## TÓM LƯỢC

Bệnh héo rũ do *Fusarium oxysporum* là loại bệnh gây hại nghiêm trọng cho các vùng trồng dưa bầu bí trên thế giới và Việt Nam. Do đó, đề tài “Nghiên cứu vi khuẩn vùng rễ phòng bệnh héo rũ do *Fusarium oxysporum* trên cây dưa leo” được thực hiện từ tháng 8/2023 đến 4/2024 tại phòng thí nghiệm Bệnh cây, thuộc khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Đại học Cần Thơ nhằm mục tiêu: (1) Tìm ra chủng vi khuẩn đối kháng cao có hiệu quả trong phòng trừ bệnh héo rũ trên dưa leo trong điều kiện nhà lưới, (2) xác định mật số xử lý mang lại hiệu quả trong phòng trừ bệnh héo rũ trên dưa leo do *Fusarium oxysporum* cao nhất trong điều kiện nhà lưới.

Thí nghiệm 1: Đánh giá hiệu quả phòng trừ bệnh héo rũ trên cây dưa leo do nấm *Fusarium oxysporum* bằng các chủng vi khuẩn vùng rễ *Bacillus* B11, *Bacillus* B13 và *Bacillus* B18 ở điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm được bố trí theo hình thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 4 lần lặp lại và 6 nghiệm thức, mỗi lần lặp lại là 1 chậu gồm 10 cây. Kết quả ghi nhận được chủng vi khuẩn vùng rễ *Bacillus* B13 cho hiệu quả phòng trừ bệnh cao nhất.

Thí nghiệm 2: Đánh giá hiệu quả phòng trừ bệnh héo rũ trên cây dưa leo do nấm *Fusarium oxysporum* bằng chủng vi khuẩn vùng rễ đối kháng *Bacillus* B13 với các mật số khác nhau ( $1.10^5$  cfu/g,  $2.10^5$  cfu/g,  $5.10^5$  cfu/g và  $1.10^6$  cfu/g) ở điều kiện nhà lưới. Kết quả ghi nhận được ở mật số  $1.10^6$  cfu/g cho hiệu quả giảm bệnh cao hơn và duy trì ổn định so với các mật số còn lại qua các thời điểm đã ghi nhận.

**Từ khóa:** Bệnh héo rũ, vi khuẩn vùng rễ, *Fusarium oxysporum*, dưa leo

Nguyễn Anh Trường, 2024. “Điều tra tình hình canh tác và thành phần côn trùng gây hại trên ruộng lúa tại huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng”. Luận văn tốt nghiệp đại học, ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. Châu Nguyễn Quốc Khánh

## TÓM LƯỢC

Đề tài :” Điều tra tình hình canh tác và thành phần côn trùng gây hại trên ruộng lúa tại huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 8/2023 đến tháng 02/2024 đạt một số kết quả như sau:

Thông qua kết quả điều tra nông dân trên 30 hộ trồng lúa ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ghi nhận giống lúa được sử dụng gieo sạ nhiều nhất là giống OM18 có 12 hộ chiếm 40%. Mật độ gieo sạ của lúa không đồng đều trong khoảng 19 – 22kg/1.000 m<sup>2</sup> và canh tác 3 vụ lúa/năm,. Theo nông dân dịch hại do côn trùng gây ra trên ruộng lúa gồm 5 loài lần lượt là SCLN xuất hiện 30/30 ruộng, Rầy nâu xuất hiện 19/30 ruộng, Sâu phao xuất hiện 4/30 ruộng và Rầy phấn trắng (3/30 ruộng). Để phòng trừ SCLN và các sâu hại khác nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV như Sulfaron 250EC với 73,33%, Takumi với 63,33%, Prevathon 5SC với tỷ lệ 43,33%, Verismo 240SC với tỷ lệ 33,33% và SoLo 350SC với tỷ lệ 30%.

Điều tra thành phần côn trùng trực tiếp ngoài đồng ghi nhận có 6 loài côn trùng gây hại thuộc 4 Bộ: và 6 họ trong lớp côn trùng. Trong đó sâu Cuốn lá nhỏ (*Cnaphalocrosis medinalis*), Rầy nâu (*Nilaparvata lugens*) ở mức độ phổ biến (+++), Sâu Phao (*Nymphula depunctalis*), bọ Xít hôi (*Leptocorisa acuta*), Muỗi hành (*Orseolia oryzae*) và Rầy phấn trắng (*Aleyrocybotus indicus*) ở mức phổ biến (+). Nhóm thiên địch trên ruộng lúa gồm 6 loài gồm 5 loài thuộc 4 bộ trong lớp Côn trùng và 1 loài thuộc lớp Nhện. Trong đó Bọ rùa (*Coccinella septempunctata*), chuồn chuồn kim (*Ceriagrion glabrum*), kiến ba khoang (*Paederus fuscipes*) xuất hiện ở tần suất cao với mức độ phổ biến là (+++).

**Từ khóa:** Cây lúa, muỗi hành, rầy nâu, rầy phấn trắng, sâu cuốn lá nhỏ.

. Đề tài: Tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ trong phòng trị bệnh sương mai trên cây dưa leo do *Pseudoperonospora cubensis*

2. Cán bộ hướng dẫn: Đoàn Thị Kiều Tiên

3. Sinh viên thực hiện: Hoa Thủy Tiên

4. Nội dung tóm lược:

Đề tài được thực hiện tại phòng thí nghiệm bệnh cây và nhà lưới của Khoa Bảo vệ thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024, nhằm tuyển chọn ra chủng vi khuẩn vùng rễ triển vọng có khả năng đối kháng với *Pseudoperonospora cubensis* gây bệnh sương mai trên cây dưa leo, làm cơ sở cho nghiên cứu ứng dụng biện pháp sinh học trong quản lý bệnh ở ngoài đồng hướng đến giải pháp thân thiện với môi trường và bền vững trong sản xuất nông nghiệp, gồm các thí nghiệm:

(1) Đánh giá nhanh khả năng phân giải cellulose của 118 dòng vi khuẩn vùng rễ trên môi trường CMC (carboxymethyl cellulose). Kết quả tuyển chọn được 9 chủng vi khuẩn *Bacillus* có khả năng phân giải cellulose với bán kính vòng phân giải trên 15 mm chiếm tỉ lệ 8%. Tiếp theo, đánh giá khả năng phân giải của 9 chủng vi khuẩn *Bacillus* với 3 lần lặp lại trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả đã ghi nhận 3 chủng *Bacillus* (*Bacillus* 2; *Bacillus* 7; *Bacillus* 87) có bán kính vòng phân giải cao lần lượt là 18,67 mm, 9,00 mm, 18,33mm.

(2) Đánh giá hiệu quả phòng bệnh sương mai do *Pseudoperonospora cubensis* của ba chủng *Bacillus* trong điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố gồm 5 nghiệm thức (*Bacillus* 2; *Bacillus* 7; *Bacillus* 87, thuốc hóa học Metalaxyl và nghiệm thức đối chứng không xử lý). Kết quả cho thấy nghiệm thức xử lý vi khuẩn *Bacillus* 87 có hiệu quả giảm bệnh cao với tỉ lệ bệnh và phần trăm diện tích lá bệnh thấp hơn và có khác biệt ý nghĩa thống kê so với đối chứng. Việc phun vi khuẩn vùng rễ trước 1 ngày lây bệnh và phun sau khi cây vừa xuất hiện bệnh giúp mang lại hiệu quả giảm bệnh trên cây dưa leo chống lại bệnh sương mai do *Pseudoperonospora cubensis* gây ra.

**Từ khóa:** Đối kháng, *Bacillus*, bệnh sương mai, cây dưa leo, *Pseudoperonospora cubensis*, Plant Growth Promoting Rhizobacteria.



Dương Hoài Phong, 2023. “Đánh giá hiệu quả của vi khuẩn vùng rễ trong phòng trừ bệnh chết cây con do nấm *Rhizoctonia solani* Kühn trên cây bắp (*Zea mays* L.) trong điều kiện nhà lưới”. Luận văn tốt nghiệp đại học, Ngành Bảo vệ thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại Học Cần Thơ. Người hướng dẫn: Ts. Đoàn Thị Kiều Tiên.

---

## TÓM LƯỢC

Đề tài được thực hiện tại phòng thí nghiệm bệnh cây và nhà lưới của Khoa Bảo vệ thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023, nhằm mục đích tuyển chọn được những chủng vi khuẩn vùng rễ triển vọng có khả năng đối kháng cao nhất để từ đó đánh giá hiệu quả giảm bệnh chết cây con trên cây bắp do nấm *Rhizoctonia solani* Kühn gây ra ở điều kiện nhà lưới. Là cơ sở cho nghiên cứu quản lý bệnh bằng biện pháp sinh học ở điều kiện thực tế ngoài đồng hướng đến giải pháp thân thiện với môi trường và bền vững trong sản xuất nông nghiệp.

Kết quả đạt được:

3. Tuyển chọn được 10 chủng vi khuẩn vùng rễ có khả năng đối kháng cao (bán kính vòng vô khuẩn trung bình trên 6,5mm) trong tổng số 104 chủng vi khuẩn được khảo sát. Trong đó, có 7 chủng thuộc chi *Bacillus* và 3 chủng thuộc chi *Pseudomonas* không phát huỳnh quang.

4. Kết quả đánh giá khả năng đối kháng của 10 chủng vi khuẩn triển vọng với bốn lần lặp lại qua ba thời điểm 24, 36 và 48 giờ sau khi đặt khoanh khuẩn ty nấm. Ba chủng vi khuẩn vùng rễ bao gồm: B52, B44 và B49 thể hiện sự đối kháng cao nhất và ổn định với bán kính vô khuẩn trung bình qua 3 thời điểm lần lượt là 7,12 mm, 6,62 mm, 6,54 mm và hiệu suất đối kháng ở thời điểm 48 giờ lần lượt là 50,00%; 49,17% và 50,58% so với các chủng còn lại.

5. Kết quả đánh giá hiệu quả giảm bệnh chết cây con trên cây bắp do nấm *Rhizoctonia solani* Kühn gây ra của 3 chủng vi khuẩn vùng rễ B52, B44 và B49 cho thấy: nghiệm thức xử lý vi khuẩn vùng rễ B49 bằng biện pháp tưới đất ngay sau khi gieo và tưới đất lần hai ở 7 NSG ở thời điểm cuối cùng 11 NSG có tỉ lệ bệnh 66,67%, tỉ lệ cây chết 37,50% thể hiện hiệu quả hơn so với nghiệm thức xử lý vi khuẩn B52, B44 và hỗn hợp vi khuẩn này qua bốn thời điểm khảo sát.

Từ khóa: *Bacillus*, *Rhizoctonia solani* Kühn, bệnh chết rạp cây con, damping – off, plant growth promoting rhizobacteria.

. Tên đề tài: Đánh giá hiệu quả của một số loại dịch trích thực vật đối với sâu cuốn lá nhỏ hại lúa (*Cnaphalocrocis medinalis* Guenesees) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới.

2. Cán bộ hướng dẫn: ThS. Lãng Cảnh Phú

3. Tên sinh viên thực hiện:

-Huỳnh Tiến Thông

MSSV: C2100142

Lớp: NN2173A1

-Trần Thị Kim Ngân

MSSV: B2011271

Lớp: NN2073A3

4. Nội dung tóm lược:

*Đề tài: “Đánh giá hiệu quả của một số loại dịch trích thực vật đối với sâu cuốn lá nhỏ hại lúa (*Cnaphalocrocis medinalis* Guenée) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới” được thực hiện từ 10/2023 đến 6/2024 tại phòng thí nghiệm côn trùng C110 và nhà lưới Khoa Bảo Vệ Thực Vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Đề tài nhằm chọn lọc một số dịch trích thực vật có khả năng gây chết, nồng độ và hiệu lực phòng trừ đối với sâu cuốn lá nhỏ (SCLN) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới. Đề tài gồm 4 thí nghiệm và kết quả ghi nhận được như sau:*

*Thí nghiệm 1: Đánh giá hiệu lực của một số loại dịch trích thực vật có triển vọng đối với SCLN. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên một nhân tố với 6 nghiệm thức bao gồm: 4 nghiệm thức xử lý dịch trích thực vật, một nghiệm thức đối chứng (xử lý nước) và một nghiệm thức xử lý thuốc hóa học, ghi nhận chỉ tiêu vào thời điểm 1, 3, 5, 7 NSXL. Kết quả ghi nhận được một loại dịch trích thực vật có khả năng phòng trừ SCLN cao trong điều kiện phòng thí nghiệm là rễ dây Thuốc cá (95,24%) ở thời điểm 7 NSXL.*

*Thí nghiệm 2: Đánh giá hiệu lực của dịch trích rễ dây Thuốc cá với các nồng độ khác nhau ảnh hưởng đến SCLN trong phòng thí nghiệm. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên hai nhân tố gồm: một nghiệm thức xử lý dịch trích rễ dây Thuốc cá ở 4 nồng độ khác nhau (10%, 7,5%, 5%, 2,5%), một nghiệm thức đối chứng (xử lý nước) và một nghiệm thức xử lý thuốc hóa học. Kết quả ghi nhận hiệu lực phòng trừ SCLN của nghiệm thức rễ dây Thuốc cá ở nồng độ 10% cho hiệu quả tốt nhất đạt 83,05%.*

*Thí nghiệm 3: Đánh giá hiệu lực phòng trừ của dịch trích rễ dây Thuốc cá ở nồng độ 10% trên các độ tuổi của SCLN trong phòng thí nghiệm. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên hai nhân tố gồm: 1 nghiệm thức xử lý dịch trích rễ dây Thuốc cá, một nghiệm thức đối chứng (xử lý nước) và một nghiệm thức xử lý thuốc hóa học với các độ tuổi 2, 3, 4 của SCLN. Kết quả ghi nhận hiệu lực phòng trừ SCLN của dịch trích rễ dây Thuốc cá ở tuổi 2 của SCLN cao hơn so với tuổi 3, 4.*

*Thí nghiệm 4: Đánh giá hiệu lực của dịch trích rễ dây Thuốc cá ở nồng độ 10% đối với SCLN trong điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, với 3 nghiệm thức gồm: 1 nghiệm thức xử lý dịch trích rễ dây Thuốc cá, một nghiệm thức đối chứng (xử lý nước) và một nghiệm thức xử lý thuốc hóa học. Kết quả ghi nhận được hiệu lực phòng trừ SCLN của nghiệm thức xử lý rễ dây Thuốc cá có hiệu lực cao 85,56% ở thời điểm 7 NSXL.*

**Từ khóa:** *Cnaphalocrocis medinalis Guenée, sâu cuốn lá nhỏ, dịch trích thực vật, rễ dây Thuốc cá.*

Chế Quốc Hưng, 2024. “Đánh giá khả năng gây hại của nấm Colletotrichum spp. gây bệnh thán thư trên sen và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị”. Luận văn tốt nghiệp đại học, ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ  
Cán bộ hướng dẫn: PGS.TS Lê Minh Tường

## TÓM LƯỢC

Đề tài : “Đánh giá khả năng gây hại của nấm Colletotrichum spp. gây bệnh thán thư trên sen và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị”, được thực hiện tại phòng thí nghiệm Bệnh cây và nhà lưới thuộc Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 9/2023 đến tháng 2/2024 nhằm: (1) Xác định tác nhân nấm gây bệnh thán thư trên sen và tìm ra dòng nấm có khả năng gây hại nặng nhất. (2) Tuyển chọn ra chủng xạ khuẩn có khả năng đối kháng với nấm Colletotrichum sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm (3) Tìm ra loại thuốc hóa học có khả năng ức chế sự phát triển tản nấm Colletotrichum sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm.

Đề tài gồm 3 thí nghiệm:

**Thí nghiệm 1:** Thu thập và phân lập được 18 dòng nấm Colletotrichum spp. gây bệnh thán thư trên sen tại các huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp, Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp, huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang, huyện Cờ Đỏ thành phố Cần Thơ. Dựa vào đặc điểm hình thái của khuẩn lạc, tốc độ phát triển của khuẩn lạc, hình dạng bào tử, hình dạng đĩa áp, gai cứng cho thấy cả 18 dòng nấm phân lập thuộc chi Colletotrichum. Bên cạnh đó khả năng gây hại của 18 dòng nấm thí nghiệm đều biểu hiện triệu chứng điển hình của bệnh thán thư hại sen và dòng nấm Col-LV1 có khả năng gây hại nặng nhất trong 18 dòng nấm phân lập được.

**Thí nghiệm 2:** Đánh giá khả năng đối kháng của 105 chủng xạ khuẩn (30 chủng xạ khuẩn nhận từ phòng thí nghiệm và 75 chủng xạ khuẩn phân lập) đối với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên sen trong điều kiện phòng thí nghiệm với 4 lần lặp lại. Kết quả, cho thấy có 26 chủng trong số 105 chủng xạ khuẩn thí nghiệm có khả năng đối kháng với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên sen và 5 chủng xạ khuẩn DT28-LV, DT2-LV, HB5-BL, DT5-LV và DT7-LV có khả năng đối kháng cao thông qua bán kính vòng vô khuẩn lớn lần lượt là 16,00 mm, 15,00 mm, 14,00 mm, 13,00 mm, 12,00 mm và hiệu suất đối kháng cao lần lượt là 63,35%. 60,30%. 57,25%, 54,19%. 51,14% ở thời điểm 9 ngày sau bố trí.

**Thí nghiệm 3:** Đánh giá hiệu quả ức chế sự phát triển tản nấm của dòng nấm Colletotrichum sp. bằng 10 loại thuốc hóa học trong điều kiện phòng thí nghiệm với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy 7 loại thuốc hóa học: Mancozeb Ấn Độ, Ziflo 77WP, Ridomil Gold 68WG, Dithane 80WP, Vua Vàng Lá, Polyman 46WP và Ridoxanil 800WP có hiệu quả ức chế sự phát triển của tản nấm với Colletotrichum sp. thông qua bán kính tản nấm là 0 mm và hiệu quả ức chế lên đến 100% kéo dài đến thời điểm 9 ngày sau khi bố trí.

**Từ khóa:** bệnh thán thư trên sen, Colletotrichum spp., thuốc hóa học, xạ khuẩn.

Nguyễn Thị Ngân Tâm, 2024. “Đánh giá khả năng gây bệnh đốm lá trên cây Sim của các chủng vi khuẩn *Xanthomonas* spp. và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị”. Luận văn tốt nghiệp đại học, ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGS.TS. Lê Minh Tường

## TÓM LƯỢC

Đề tài “Đánh giá khả năng gây hại của vi khuẩn *Xanthomonas* spp. gây đốm lá trên cây sim và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị” được thực hiện từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 03 năm 2024 tại phòng thí nghiệm Bệnh cây thuộc Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ nhằm: (1) Đánh giá khả năng gây hại của các dòng vi khuẩn *Xanthomonas* spp. và tìm ra dòng vi khuẩn có khả năng gây hại nặng nhất. (2) Tuyển chọn các chủng xạ khuẩn có khả năng đối kháng. (3) Tìm ra loại thuốc hóa học có khả năng ức chế vi khuẩn *Xanthomonas* spp. trong điều kiện phòng thí nghiệm. Gồm 3 thí nghiệm:

Thí nghiệm 1: Thu thập, phân lập và xác định vi khuẩn gây bệnh đốm lá trên sim dựa vào đặc điểm hình thái sinh hóa và triệu chứng bệnh. Kết quả thu thập và phân lập được 8 dòng vi khuẩn gây hại trên sim tại các xã Dương Tơ, Hàm Ninh, Cửa Cạn, Thị trấn Dương Đông, Thị trấn An Thới thuộc thành phố Phú Quốc. Dựa vào đặc điểm hình thái, sinh hóa 8 dòng vi khuẩn này đều thuộc chi *Xanthomonas* và có triệu chứng điển hình của bệnh đốm lá do vi khuẩn trên sim. Trong đó, dòng vi khuẩn Xan7-CCPQ có khả năng gây hại mạnh nhất với phần trăm vết bệnh là 11,18% ở thời điểm 28 ngày sau lây bệnh (NSLB).

Thí nghiệm 2: Khả năng đối kháng của các chủng xạ khuẩn đối với vi khuẩn *Xanthomonas* sp. gây bệnh đốm lá trên sim được thực hiện trong điều kiện phòng thí nghiệm với 4 lần lặp lại. Có 17 trong tổng số 89 chủng xạ khuẩn thể hiện khả năng đối kháng với vi khuẩn *Xanthomonas* sp. gây bệnh đốm lá trên sim và 2 chủng xạ khuẩn F14, LM6 có khả năng đối kháng cao với vi khuẩn *Xanthomonas* sp. với bán kính vòng vô khuẩn lần lượt là 11,00mm, 5,00mm, đến thời điểm 7 ngày sau bố trí.

Thí nghiệm 3: Khả năng ức chế của một số loại thuốc hóa học đối với vi khuẩn *Xanthomonas* sp. gây bệnh đốm lá trên cây Sim được thực hiện trong điều kiện phòng thí nghiệm với 4 lần lặp lại. Kết quả ghi nhận, thuốc Avalon 8WP với hoạt chất (Oxytetracycline Hydrochloride và Gentamicin Sulphate) có khả năng ức chế cao nhất đối với vi khuẩn *Xanthomonas* sp. với bán kính vòng vô khuẩn là 6,5 mm đến thời điểm 7 ngày sau bố trí.

**Từ khóa:** Bệnh đốm lá trên sim, thuốc hóa học, xạ khuẩn, *Xanthomonas* spp.

Nguyễn Quốc Huy, 2024. “Điều tra tình hình kỹ thuật canh tác và sâu bệnh hại trên cây sen tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp”. Luận văn tốt nghiệp đại học, ngành Bảo Vệ Thực Vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Người hướng dẫn: PGS. TS. Lê Minh Tường

## TÓM LƯỢC

Đề tài thực hiện điều tra ngẫu nhiên trên 40 hộ trồng sen tại hai xã Tân Phú và Hòa Tân tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích khoảng 240.000 m<sup>2</sup>. Nhằm tìm hiểu về kỹ thuật canh tác và sâu bệnh hại trên cây sen, từ đó đề xuất những biện pháp hữu ích giúp nông dân canh tác tốt và phòng trị sâu bệnh hại hiệu quả hơn. Đề tài tiến hành thực hiện từ 2/2024 - 4/2024. Kết quả ghi nhận như sau:

Về kỹ thuật canh tác: giai đoạn cây chiếm tỷ lệ cao nhất từ 61-80 ngày 45% (18/40 hộ), thấp nhất từ 101-120 ngày chiếm tỷ lệ 2,5% (1/40 hộ). Về giống, sen Đài Loan chiếm tỷ lệ cao nhất 97,5% (39/40 hộ), giống sen Thái chiếm tỷ lệ thấp nhất 2,5% (1/40 hộ), trồng bằng ngó có tỷ lệ 100% (40/40 hộ). Nguồn giống được mua trôi nổi 100% (40/40 hộ). Cải tạo đất hằng năm bằng biện pháp xới chiếm tỷ lệ 100% (40/40 hộ), bón vôi chiếm 27,5% (11/40 hộ). Khoảng cách trồng 3x3 (m) chiếm tỷ lệ cao nhất 62,5% (25/40 hộ), khoảng cách trồng 2x2 (m) có tỷ lệ thấp nhất 2,5% (1/40 hộ). Ure là loại phân được sử dụng nhiều nhất với tỷ lệ 95% (38/40 hộ), loại phân được sử dụng ít nhất là Kali chiếm tỷ lệ 12,5% (5/40 hộ).

Về tình hình sâu bệnh hại: bệnh thán thư xuất hiện ở cả hai xã chiếm tỷ lệ 100% (40/40 hộ). Bệnh thối ngó chiếm tỷ lệ 97,5% (39/40 hộ) ở cả hai xã, trong đó: xã Tân Phú có tỷ lệ bệnh 100% (20/20 hộ), xã Hòa Tân chiếm tỷ lệ 95% (19/20 hộ). Bệnh đốm phấn xuất hiện tại xã Tân Phú với tỷ lệ 5% (1/20 hộ), xã Hòa Tân không ghi nhận sự xuất hiện bệnh đốm phấn. Sâu xanh xuất hiện cả 2 xã chiếm tỷ lệ 57,5% (23/40 hộ), trong đó xã Tân Phú có tỷ lệ 50% (10/20 hộ), xã Hòa Tân có tỷ lệ 65% (13/20 hộ). Sâu ăn tạp cả 2 xã chiếm tỷ lệ 50% (20/40 hộ), trong đó: xã Tân Phú chiếm 60% (12/20 hộ), xã Hòa Tân chiếm 40% (8/40 hộ). Rầy mềm cả hai xã chiếm tỷ lệ 62,5% (25/40 hộ), trong đó xã Tân Phú chiếm 55% (11/20 hộ), xã Hòa Tân chiếm 75% (15/40 hộ). Bọ trĩ cả hai xã chiếm tỷ lệ 55% (22/40 hộ), trong đó: xã Tân Phú chiếm 55% (11/20 hộ), xã Hòa Tân chiếm 55% (11/20 hộ). Tỷ lệ nông dân sử dụng nông dược chiếm tỷ lệ 100% (40/40 hộ).

**Từ khóa:** điều tra, cây sen, bệnh hại, kỹ thuật canh tác.

Huỳnh Vy, 2023. “Khảo sát khả năng ức chế của hợp chất tanin thủy phân với vi khuẩn *Xanthomonas* sp. gây bệnh đốm lá trên ớt”. Luận văn tốt nghiệp Đại Học, Khoa Bảo vệ Thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGs.Ts Lê Minh Tường.

## TÓM LƯỢC

Đề tài  
được thực hiện từ  
tháng 3 năm 2023  
đến tháng 10 năm

2023 nhằm tuyển chọn ra hợp chất tanin thủy phân có khả năng ức chế vi khuẩn *Xanthomonas* sp. gây bệnh đốm lá trên ớt trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới. Đề tài thực hiện gồm 4 thí nghiệm:

**Thí nghiệm 1:** Kết quả thu thập và phân lập được 16 dòng vi khuẩn gây bệnh đốm lá ớt tại các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp và An Giang. Dựa vào đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh hóa 16 dòng vi khuẩn này đều thuộc chi *Xanthomonas* và có triệu chứng điển hình của bệnh đốm lá trên ớt. Trong đó, dòng vi khuẩn *Xan9-OMCT* có khả năng gây hại nặng nhất với phần trăm diện tích vết bệnh là 14,05% ở thời điểm 28 ngày sau lây bệnh (NSLB).

**Thí nghiệm 2:** Đánh giá khả năng ức chế sự phát triển vi khuẩn *Xanthomonas* sp. của hợp chất tanin thủy phân được ly trích từ 4 loại lá gồm Ôi, Bàng, Bạch Đàn và Rau Răm với 5 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 4 loại hợp chất tanin thủy phân đều cho khả năng ức chế vi khuẩn *Xanthomonas* sp. và hợp chất tanin thủy phân ly trích từ lá Bàng có khả năng ức chế vi khuẩn *Xanthomonas* sp. cao nhất với bán kính vòng vô khuẩn là 3,68 mm ở thời điểm 4 ngày sau khi bố trí (NSBT).

**Thí nghiệm 3:** Đánh giá khả năng ức chế của hợp chất tanin thủy phân được ly trích từ lá Bàng ở các nồng độ 10%, 20%, 30%, 40% và 50% đối với sự phát triển của vi khuẩn *Xanthomonas* sp. với 5 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 5 nồng độ của hợp chất tanin thủy phân ly trích từ Bàng đều cho khả năng ức chế vi khuẩn *Xanthomonas* sp. và hợp chất tanin thủy phân ly trích từ lá Bàng ở nồng độ 50% có khả năng ức chế vi khuẩn *Xanthomonas* sp. cao nhất với bán kính vòng vô khuẩn là 2,97 mm ở thời điểm 4 ngày sau khi bố trí.

**Thí nghiệm 4:** Đánh giá khả năng ức chế của hợp chất tanin thủy phân được ly trích từ lá Bàng ở các nồng độ 10%, 20%, 30%, 40% và 50% đối với sự gia tăng mật số của vi khuẩn *Xanthomonas* sp. trong môi trường King's B lỏng với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 5 nồng độ của hợp chất tanin thủy phân ly trích từ Bàng đều cho khả năng ức chế sự gia tăng mật số vi khuẩn *Xanthomonas* sp. và hợp chất tanin thủy phân ly trích từ lá Bàng ở nồng độ 50% có khả năng ức chế sự gia tăng mật số vi khuẩn *Xanthomonas* sp. cao nhất với log mật số vi khuẩn là 7,51 (cfu/ml) ở thời điểm 4 ngày sau khi bố trí.

**Từ khóa:** *Xanthomonas* sp., hợp chất tanin thủy phân, ức chế vi khuẩn, ức chế sự gia tăng mật số, bệnh đốm lá ớt.

Huyền Phước Lộc, 2024. “Đánh giá khả năng phòng trị của xạ khuẩn đối với nấm *Colletotrichum* sp. gây bệnh thán thư hại đậu nành rau trong điều kiện nhà lưới” Luận văn tốt nghiệp Đại học, chuyên ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Người hướng dẫn: PGs.Ts Lê Minh Tường

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “Đánh giá khả năng phòng trị của xạ khuẩn đối với nấm *Colletotrichum* sp. gây bệnh thán thư hại đậu nành rau trong điều kiện nhà lưới” được thực hiện từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 4 năm 2024 tại phòng thí nghiệm và nhà lưới Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ nhằm tìm ra chủng xạ khuẩn có khả năng phòng trị bệnh thán thư đậu nành rau do nấm *Colletotrichum* sp. gây ra. Đề tài bao gồm 2 thí nghiệm:

Thí nghiệm 1: Khả năng phòng trị bệnh thán thư do nấm *Colletotrichum* sp. gây hại trái đậu nành bằng huyền phù xạ khuẩn của 3 chủng xạ khuẩn TB-ĐT35, MT-ST48 và PT-AG2 với 3 mật số là  $10^6$  cfu/ml,  $10^7$  cfu/ml,  $10^8$  cfu/ml được thực hiện với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 3 chủng xạ khuẩn ở 3 mật số đều có khả năng phòng trị bệnh thán thư hại trái đậu nành rau do nấm *Colletotrichum* sp. gây ra và nghiệm thức TB-ĐT35  $10^8$  cfu/ml, MT-ST48  $10^8$  cfu/ml và PT-AG2  $10^8$  cfu/ml có khả năng phòng trị tốt nhất với phần trăm diện tích vết bệnh thấp lần lượt là 35,46%, 37,50% và 38,72% và hiệu quả giảm bệnh cao lần lượt là 64,21%, 62,15% và 60,92% ở thời điểm 9 ngày sau khi lây bệnh nhân tạo.

Thí nghiệm 2: Đánh giá hiệu quả phòng trị bệnh thán thư trên lá đậu nành rau do nấm *Colletotrichum* sp. gây ra trong điều kiện nhà lưới của 3 chủng xạ khuẩn TB-ĐT35, MT-ST48 và PT-AG2 với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 3 chủng xạ khuẩn đều có khả năng phòng trị bệnh trong điều kiện nhà lưới. Trong đó chủng xạ khuẩn TB-ĐT35 khi xử lý 2 lần vào 2 ngày trước và 2 ngày sau khi lây bệnh nhân tạo cho khả năng phòng trị cao với phần trăm diện tích lá bệnh thấp (38,28%) và hiệu quả giảm bệnh cao (57,65%) ở thời điểm 9 ngày sau khi lây bệnh nhân tạo.

**Từ khóa:** bệnh thán thư đậu nành rau, *Colletotrichum* sp., xạ khuẩn, nhà lưới

Trần Nguyễn Tấn Tài, 2024 “Đánh giá khả năng gây hại của nấm *Phytophthora* spp. gây bệnh thối thân, thối nõng trên sen và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị”. Luận văn tốt nghiệp Đại học, Khoa Bảo vệ thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGS.TS Lê Minh Tường

## TÓM LƯỢC

Đề tài “Đánh giá khả năng gây hại của nấm *Phytophthora* spp. gây bệnh thối thân, thối nõng trên sen và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị” được thực hiện tại phòng thí nghiệm Bệnh cây thuộc Khoa Bảo vệ thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 08 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024 nhằm: (1) Đánh giá khả năng gây hại của nấm *Phytophthora* spp. gây bệnh thối thân, thối nõng trên sen và tìm ra dòng nấm có khả năng gây hại nặng nhất. (2) Tuyển chọn chủng xạ khuẩn có khả năng đối kháng với nấm *Phytophthora* sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm, (3) Tìm ra loại thuốc hóa học có khả năng ức chế sự phát triển tản nấm *Phytophthora* sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm.

Đề tài gồm 3 thí nghiệm:

**Thí nghiệm 1:** Thu thập và phân lập được 9 dòng nấm *Phytophthora* spp. gây bệnh thối thân, thối nõng trên sen tại các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp và thành phố Cần Thơ dựa vào đặc điểm hình thái của khuẩn lạc, hình dạng bọc bào tử, sợi nấm. Kết quả cho thấy 9 dòng nấm phân lập đều thuộc chi *Phytophthora* và đều có triệu chứng điển hình của bệnh thối thân, thối nõng trên sen. Trong đó, dòng nấm *Phytoph* - TM.ĐT 6 có khả năng gây hại nặng nhất trong 9 dòng nấm được phân lập.

**Thí nghiệm 2:** Đánh giá nhanh khả năng đối kháng của 130 chủng xạ khuẩn (100 chủng phân lập và 30 chủng nhận từ phòng thí nghiệm) đối với nấm *Phytophthora* sp. gây bệnh thối thân, thối nõng trên sen trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả cho thấy có 26 chủng trong 130 chủng xạ khuẩn thực sự có khả năng đối kháng với nấm *Phytophthora* sp. gây bệnh thối thân, thối nõng trên sen và 5 chủng xạ khuẩn TB3-ĐT, DH5-TV, LV18-ĐT, CM4-AG và BM3-VL có khả năng đối kháng cao với nấm *Phytophthora* sp. thông qua BKVK lần lượt là 19,25mm, 16,25mm, 16mm, 15,75mm và 15,75mm và HSDK lần lượt là 69,47%, 68,47%, 67,58%, 64,69% và 63,80% ở thời điểm 5 ngày sau bố trí.

**Thí nghiệm 3:** Đánh giá hiệu quả ức chế sự phát triển tản nấm của dòng nấm *Phytoph* - TM.ĐT 6 bằng 10 loại thuốc hóa học trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả cho thấy có 5 loại thuốc Ridomil gold 68WG, Mexyl MZ 72WP, Romio 300WP, Eddy 72WP, Mataxyl 500WP có hiệu quả ức chế sự phát triển của tản nấm *Phytoph* - TM.ĐT 6 thông qua bán kính tản nấm của 5 loại thuốc là 0mm và hiệu quả ức chế của 5 loại thuốc là 100% ở thời điểm 5 ngày sau bố trí

Từ khóa: bệnh thối thân, thối nõng trên sen, *Phytophthora* spp., thuốc hóa học, xạ khuẩn



Trần Thị Ngọc Diệp, 2024, “**Khảo sát khả năng đối kháng của xạ khuẩn đối với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên cây đậu nành rau trong điều kiện phòng thí nghiệm**”. Luận văn tốt nghiệp Đại học, khoa Bảo Vệ Thực Vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGs.Ts. Lê Minh Tường.

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “**Khảo sát khả năng đối kháng của xạ khuẩn đối với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên cây đậu nành rau trong điều kiện phòng thí nghiệm**” được thực hiện tại phòng thí nghiệm bệnh cây Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 12/2023 đến tháng 2/2024. Nhằm tìm hiểu khả năng đối kháng của huyền phù và dịch trích các chủng xạ khuẩn thông qua: khả năng ức chế hình thành bào tử nấm, ức chế mọc mầm bào tử nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư hại đậu nành rau trong điều kiện phòng thí nghiệm. Bao gồm 2 thí nghiệm:

Thí nghiệm 1: Khả năng ức chế sự hình thành bào tử nấm Colletotrichum sp. bằng dịch trích và huyền phù của 5 chủng xạ khuẩn TB-ĐT35, TB-ĐT13, MT-ST48, PT-AG2 và PT-AG38 được thực hiện với 4 lần lặp lại. Kết quả ghi nhận cả 5 chủng xạ khuẩn đều có khả năng ức chế sự hình thành bào tử nấm Colletotrichum sp. Trong đó, huyền phù xạ khuẩn có khả năng ức chế sự hình thành bào tử nấm cao hơn so với dịch trích. Mặt khác, huyền phù chủng xạ khuẩn TB-ĐT35 có hiệu quả ức chế cao nhất với Log mật số bào tử nấm là 4,77 (bào tử/ml) khác biệt so với nghiệm thức đối chứng 7,72 (bào tử/ml) ở thời điểm 9 ngày sau bố trí.

Thí nghiệm 2: Khả năng ức chế sự mọc mầm của bào tử nấm Colletotrichum sp. bằng huyền phù và dịch trích của 5 chủng xạ khuẩn TB-ĐT35, TB-ĐT13, MT-ST48, PT-AG2 và PT-AG38 được thực hiện với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 5 chủng xạ khuẩn có khả năng ức chế sự mọc mầm của bào tử nấm Colletotrichum sp. Trong đó, huyền phù xạ khuẩn có khả năng ức chế sự mọc mầm bào tử nấm cao hơn so với dịch trích. Bên cạnh đó, huyền phù chủng xạ khuẩn TB-ĐT35 thể hiện khả năng ức chế mọc mầm của bào tử cao thông qua tỷ lệ mọc mầm là 36,17 % và hiệu quả ức chế là 50,16 % ở thời điểm 24 giờ sau xử lý.

**Từ khóa:** Bệnh thán thư đậu nành rau, Colletotrichum sp., xạ khuẩn, huyền phù, dịch trích, ức chế bào tử mọc mầm, ức chế hình thành bào tử

## TÓM LƯỢC

**Đề tài:** “**Khảo sát khả năng ức chế lúa cỏ của các chủng xạ khuẩn trong điều kiện phòng thí nghiệm**” được thực hiện từ tháng 11/2023 đến tháng 5/2024 trong điều kiện phòng thí nghiệm khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ, nhằm tuyển chọn được chủng xạ khuẩn có khả năng ức chế sự nảy mầm và phát triển của lúa cỏ. Đề tài thực hiện gồm 2 thí nghiệm:

**Thí nghiệm 1:** Khảo sát khả năng ức chế sự nảy mầm lúa cỏ bằng huyền phù các chủng xạ khuẩn CT4.8, ĐT3.4, VL5.4, HG3.2 trong điều kiện phòng thí nghiệm gồm 5 nghiệm thức với 4 lần lặp lại. Kết quả ghi nhận cả 4 chủng xạ khuẩn đều có khả năng ức chế nảy mầm lúa cỏ qua các thời điểm khảo sát. Trong đó, huyền phù của 2 chủng xạ khuẩn CT4.8 và ĐT3.4 cho khả năng ức chế nảy mầm lúa cỏ cao với hiệu quả ức chế lần lượt là 35,87% và 35,99% ở thời điểm 5 NSBT.

**Thí nghiệm 2:** Đánh giá khả năng ức chế sự phát triển của lúa cỏ bằng huyền phù các chủng xạ khuẩn CT4.8, ĐT3.4 trong điều kiện in vivo gồm 3 nghiệm thức với 4 lần lặp lại. Kết quả ghi nhận khả năng ức chế sự phát triển của lúa cỏ bằng huyền phù các chủng xạ khuẩn CT4.8 và ĐT3.4 tại thời điểm 7 NSBT đều cho hiệu quả ức chế ở mức cao. Trong đó, huyền phù chủng xạ khuẩn ĐT3.4 cho hiệu quả ức chế sự phát triển của lúa cỏ cao nhất là 65,45%.

**Từ khóa:** lúa cỏ, huyền phù, xạ khuẩn.

Huyền Minh Trung, 2024. “Đánh giá khả năng gây hại của nấm *Colletotrichum* sp. gây bệnh thán thư trên đậu nành rau và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị” Luận văn tốt nghiệp đại học, ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ  
Cán bộ hướng dẫn: PGs.Ts Lê Minh Tường

## TÓM LƯỢC

Đề tài “Đánh giá khả năng gây hại của nấm *Colletotrichum* sp. gây bệnh thán thư trên đậu nành rau và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị” được thực hiện tại phòng thí nghiệm Bệnh cây và nhà lưới thuộc Khoa Bảo vệ thực vật Trường nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 8 đến tháng 12/2023.1) nhằm xác định tác nhân gây bệnh thán thư trên đậu nành rau và tìm ra chủng nấm có khả năng gây hại nặng nhất. (2) Tuyển chọn ra các chủng xạ khuẩn có khả năng đối kháng với nấm *Colletotrichum* sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm. (3) Tìm ra loại thuốc hóa học có khả năng ức chế sự phát triển của tản nấm *Colletotrichum* sp trong điều kiện phòng thí nghiệm

**Thí nghiệm 1:** Thu thập và phân lập được 16 dòng nấm *Colletotrichum* spp. gây bệnh thán thư trên đậu nành rau tại các Huyện Phú Tân và Chợ Mới, An Giang, Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng, Huyện Thới Lai, Cần Thơ, Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp. Dựa vào đặc điểm hình thái như đặc điểm khuẩn lạc, tốc độ phát triển khuẩn lạc, bào tử, gai cứng, đĩa áp cho thấy cả 16 dòng nấm phân lập thuộc chi *Colletotrichum*. Mặt khác, các dòng nấm đều có khả năng gây bệnh trên cây đậu nành rau với triệu chứng điển hình của bệnh thán thư. Trong đó, dòng nấm Colle - AG4 có khả năng gây hại nặng nhất trong tổng số 16

**Thí nghiệm 2:** Đánh giá khả năng đối kháng của 185 các chủng xạ khuẩn phân lập với nấm *Colletotrichum* sp. gây bệnh thán thư trên đậu nành rau trong phòng thí nghiệm. Kết quả, cho thấy có 20 chủng xạ khuẩn trong số 185 chủng xạ khuẩn thí nghiệm thể hiện khả năng đối kháng với nấm *Colletotrichum* sp. gây bệnh thán thư trên đậu nành rau và 5 chủng xạ khuẩn (TB-ĐT35, PT-AG2, PT-AG38, MT-ST48, TB-ĐT13) có khả năng đối kháng cao với bán kính vòng vô khuẩn lần lượt là 1,17cm, 1,02cm, 1,00cm, 0,92cm, 0,87cm và hiệu suất đối kháng lần lượt là 62,46%, 62,01%, 59,00%, 60,87%, 55,27%. ở thời điểm 9 ngày sau khi bố trí.

**Thí nghiệm 3:** Đánh giá hiệu quả ức chế sự phát triển tản nấm của dòng nấm Colle - AG4 bằng 10 loại thuốc hóa học trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả cho thấy 3 loại thuốc Antracol 70WP, Ridomil Gold 68WG, Alitte 800WG có hiệu quả ức chế sự phát triển của tản nấm *Colletotrichum* sp. kính tản nấm là 0cm và hiệu quả ức chế lên đến 100% kéo dài đến thời điểm 9 ngày sau khi bố trí.

**Từ khóa:** bệnh thán thư trên đậu nành rau, *Colletotrichum* spp., thuốc hóa học, xạ khuẩn.

## TÓM LƯỢC

**Đề tài: “Khảo sát khả năng ức chế của hợp chất tanin thủy phân đối với nấm Colletotrichum sp. gây thán thư trên cây ớt trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới”** được thực hiện từ tháng 4/2023 đến tháng 10/2023 trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Đại học Cần Thơ, nhằm tuyển chọn được hợp chất tanin thủy phân có khả năng phòng trị được đối với tác nhân nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên ớt trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới. Đề tài thực hiện gồm 3 thí nghiệm:

**Thí nghiệm 1:** Ly trích hợp chất tanin thủy phân từ một số loài thực vật (lá cây Bạch Đàn, Ổi, Bàng, Rau Răm) và khảo sát khả năng ức chế của hợp chất tanin thủy phân đối với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư hại ớt trong điều kiện phòng thí nghiệm, thí nghiệm bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố với mỗi nghiệm thức 4 lần lặp lại. Kết quả nhận thấy cả 4 loại nguyên liệu ly trích đều chứa hợp chất tanin thủy phân và có khả năng ức chế khuẩn ty nấm Colletotrichum sp. nổi bật với nghiệm thức hợp chất tanin thủy phân từ lá Bàng tại thời điểm 7 ngày sau khi cấy cho bán kính tản nấm thấp nhất là 17,45 mm tương ứng hiệu quả ức chế 56,10%.

**Thí nghiệm 2:** Khảo sát nồng độ của hợp chất tanin thủy phân có khả năng ức chế nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư hại ớt trong điều kiện phòng thí nghiệm, thí nghiệm bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố với 4 lần lặp lại ở mỗi nghiệm thức ứng với dãy nồng độ 10-20-30-40-50% của hợp chất tanin thủy phân ly trích từ lá Bạch Đàn và Bàng. Kết quả nhận thấy khuẩn ty nấm càng ít phát triển khi nồng độ hợp chất tanin thủy phân càng cao, bán kính tản nấm bằng 0 mm ở nghiệm thức Bạch Đàn 30-40-50% và Bàng 20-30-40-50% và hiệu quả ức chế là 100% tại thời điểm 7 ngày sau khi cấy.

**Thí nghiệm 3:** Đánh giá khả năng phòng trị của hợp chất tanin thủy phân đối với bệnh thán thư hại cây ớt do nấm Colletotrichum sp. gây ra trong điều kiện nhà lưới với các nghiệm thức xử lý hợp chất tanin thủy phân trước chủng bệnh, sau chủng bệnh, kết hợp trước và sau chủng bệnh, thí nghiệm bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố với mỗi nghiệm thức 4 lần lặp lại. Trong điều kiện nhà lưới cây ớt thấy rõ phần trăm diện tích vết bệnh thấp nhất ở thời điểm xử lý hợp chất tanin thủy phân kết hợp trước và sau chủng bệnh là 4,35% so với đối chứng và hiệu quả giảm bệnh là 73,90% tại thời điểm 22 ngày sau khi chủng bệnh.

**Từ khóa:** Colletotrichum sp., hợp chất tanin thủy phân, ức chế khuẩn ty nấm

Trương Thị Hồng Ngọc, 2023, “Đánh giá khả năng gây hại của nấm *Phytophthora* spp. gây bệnh nứt thân xì mù trên cây quýt Hồng và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn”. Luận văn tốt nghiệp Đại học, khoa Bảo Vệ Thực Vật, trường Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGs.Ts. Lê Minh Tường.

---

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “Đánh giá khả năng gây hại của nấm *Phytophthora* spp. gây bệnh nứt thân xì mù trên cây quýt Hồng và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn” được thực hiện tại phòng thí nghiệm bệnh cây và nhà lưới Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023. Gồm các thí nghiệm như sau:

Thí nghiệm 1: Kết quả thu thập và phân lập được 9 dòng nấm *Phytophthora* spp. gây bệnh nứt thân, xì mù trên cây quýt Hồng ở hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp. Dựa vào đặc điểm hình thái của khuẩn lạc, tốc độ phát triển và biểu hiện gây bệnh của 9 dòng nấm này đều thuộc chi *Phytophthora*. Trong đó, dòng nấm *Phytoph - LV6 – DT* có tốc độ phát triển nhanh nhất và có khả năng gây hại nặng nhất trong các dòng nấm phân lập.

Thí nghiệm 2: Đánh giá khả năng đối kháng của các chủng xạ khuẩn đối với nấm *Phytophthora* sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy, có 13 trong tổng số 40 chủng xạ khuẩn cho khả năng đối kháng với dòng nấm *Phytoph - LV6 – DT* và 4 chủng BM5-VL, PH-HG37, BT5-VL và PH-HG30 thể hiện khả năng đối kháng cao thông qua BKVVK lần lượt là 1,27 cm; 1,35 cm; 1,45 cm 1,55 cm và HSDK lần lượt là 62,36% ; 64,32% ; 68,27% và 70,46% đến thời điểm 6 NSBT.

Thí nghiệm 3: Đánh giá khả năng tiết enzyme cellulase phân giải cellulose của các chủng xạ khuẩn được thực hiện trong điều kiện phòng thí nghiệm với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 4 chủng đều có khả năng tiết enzyme cellulase phân giải cellulose với nhiều mức độ khác nhau và chủng BT5-VL có BKVPG cao nhất là 2,18 cm và hàm lượng enzyme cellulase tiết ra nhiều nhất là 2,38 IU/ml ở thời điểm 7 NSBT.

**Từ khóa:** Bệnh nứt thân, xì mù; xạ khuẩn, đối kháng, cellulase, *Phytophthora* sp.

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “Khảo sát khả năng ức chế của hợp chất tanin thủy phân đối với nấm *Pyricularia oryzae* gây bệnh cháy lá lúa” được thực hiện từ tháng 1/2024 đến tháng 5/2024 trong điều kiện phòng thí nghiệm khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ, nhằm tuyển chọn được hợp chất tanin thủy phân có khả năng ức chế nấm *Pyricularia oryzae* gây bệnh cháy lá lúa. Đề tài thực hiện gồm 2 thí nghiệm:

Thí nghiệm 1: Khảo sát khả năng ức chế của hợp chất tanin thủy phân (ly trích từ lá cây (Bạch Đàn, Tía Tô, Bàng, Rau Răm, Khoai Mì) đối với nấm *Pyricularia oryzae* gây bệnh cháy lá lúa trong điều kiện phòng thí nghiệm với 5 loại hợp chất tanin thủy phân (lá Bàng, Rau Răm, Bạch Đàn, Tía Tô, Khoai Mì), mỗi loại tương đương một nghiệm thức và 1 nghiệm thức đối chứng, 1 nghiệm thức có 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy hợp chất tanin thủy phân ly trích từ Tía Tô có khả năng ức chế được tàn nấm *Pyricularia oryzae* gây bệnh cháy lá lúa với đường kính tàn nấm là 2,28 cm và hiệu quả ức chế cao 36,35% thời điểm 11 ngày sau bố trí.

Thí nghiệm 2: Khảo sát nồng độ (10%, 20%, 30%, 40% và 50%) có khả năng ức chế của hợp chất tanin thủy phân ly trích từ Tía Tô đối với nấm *Pyricularia oryzae* gây bệnh cháy lá lúa trong điều kiện phòng thí nghiệm với 5 nồng độ hợp chất tanin thủy phân ly trích từ Tía Tô (10%, 20%, 30%, 40% 50%) mỗi nồng độ tương đương một nghiệm thức và 1 nghiệm thức đối chứng, mỗi nghiệm thức có 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy hợp chất tanin thủy phân từ Tía Tô ở nồng độ 20%, 30%, 40% và 50% có khả năng hạn chế được sự phát triển của tàn nấm *Pyricularia oryzae*, đường kính nấm 2,25 cm, 2,05 cm, 1,63 cm và 1,63 cm ở 4 nồng độ và hiệu quả ức chế tương đương lần lượt là 39,51%, 44,75%, 56,34% và 56,28% ở thời điểm 11 ngày sau bố trí.

**Từ khóa:** *Pyricularia oryzae*, hợp chất tanin thủy phân, ức chế tàn nấm, đường kính tàn nấm

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “**Khảo sát khả năng ức chế của hợp chất tanin thủy phân đối với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên sen**” được thực hiện từ tháng 12/2023 đến tháng 4/2024 trong điều kiện phòng thí nghiệm Khoa Bảo vệ Thực Vật, Trường Đại học Cần Thơ, nhằm tuyển chọn ra hợp chất tanin thủy phân có khả năng ức chế với chủng nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên cây sen trong điều kiện phòng thí nghiệm. Đề tài được thực hiện gồm 2 thí nghiệm:

**Thí nghiệm 1:** Đánh giá khả năng ức chế sự phát triển khuẩn ty nấm Colletotrichum sp. của hợp chất tanin thủy phân được ly trích từ 10 loại thực vật gồm: lá cây Tràm bông vàng, lá Ổi, lá Cà phê, lá Trà, lá Mãng cụt, lá Bạch đàn, lá Bàng, vỏ trái Cà phê, vỏ trái Lựu và củ Thủy xương bồ trong phòng thí nghiệm với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 10 loại hợp chất tanin thủy phân đều cho khả năng ức chế khuẩn ty nấm Colletotrichum sp. và hợp chất tanin thủy phân ly trích từ lá Bàng có hiệu quả ức chế nấm cao thông qua bán kính tán nấm nhỏ là 24,75 mm và hiệu quả ức chế cao là 47,50% ở thời điểm 7 ngày sau khi cấy nấm.

**Thí nghiệm 2:** Đánh giá ảnh hưởng của hợp chất tanin thủy phân được ly trích từ lá Bàng ở các nồng độ (20%, 30%, 40%, 50%) lên khả năng ức chế sự phát triển khuẩn ty nấm Colletotrichum sp. trong phòng thí nghiệm với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy ở các nồng độ (20%, 30%, 40%, 50%) đều cho khả năng ức chế sự phát triển khuẩn ty nấm Colletotrichum sp. và hợp chất tanin thủy phân được ly trích từ lá Bàng ở nồng độ 40% và 50% có bán kính tán nấm thấp đều là 0,00 mm và hiệu quả ức chế khuẩn ty nấm cao đều là 100% ở thời điểm 7 ngày sau khi cấy.

**Từ khóa:** Bệnh thán thư trên sen, Colletotrichum sp., hợp chất tanin thủy phân, ức chế khuẩn ty nấm.





Thái Trung, 2023 "Khảo sát khả năng kích thích tính kháng bệnh đạo ôn trên lúa do nấm *Pyricularia oryzae* của một số chủng xạ khuẩn". Luận văn tốt nghiệp đại học, chuyên ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGS.TS Lê Minh Tường.

---

## Tóm lược

Đề tài " Khảo sát khả năng kích thích tính kháng bệnh đạo ôn trên lúa do nấm *Pyricularia oryzae* của một số chủng xạ khuẩn" được thực hiện từ tháng 2/2023 đến tháng 9/2023 trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ nhằm tuyển chọn các chủng xạ khuẩn có khả năng kích thích tính kháng bệnh đạo ôn trên lúa và khảo sát cơ chế liên quan trên khía cạnh mô học. Bao gồm các thí nghiệm sau:

Thí nghiệm 1: Khảo sát khả năng kích thích tính kháng bệnh đạo ôn trên lúa của 4 chủng xạ khuẩn và dịch trích (CT4.8, BL6, BL7, PĐ2-CT) với 9 nghiệm thức, 4 lần lặp lại trong điều kiện nhà lưới. Kết quả cho thấy 3 nghiệm thức có hiệu quả cao nhất là BL 6 huyền phù, BL7 huyền phù và PĐ2-CT huyền phù với chỉ số bệnh thấp lần lượt là 5.34%; 4.25%; 4.32% và hiệu quả giảm bệnh so với đối chứng là 78.05%; 73.85% và 78.05% ở thời điểm 10 ngày sau chủng bệnh. Ngoài ra, 3 nghiệm thức BL6 huyền phù, BL7 huyền phù và PĐ2-CT huyền phù có chiều cao cây cao hơn so với các nghiệm thức khác và đối chứng lần lượt là 43cm, 44cm và 45cm.

Thí nghiệm 2: Khảo sát phản ứng phát sáng tế bào lá lúa sau khi được xử lý kích kháng bằng xạ khuẩn với 4 lần lặp lại trong điều kiện nhà lưới và phòng thí nghiệm. Kết quả cho thấy, nghiệm thức BL6, BL7, PĐ2-CT có phần trăm tỉ lệ đĩa áp tạo phản ứng phát sáng tế bào cao hơn so với đối chứng và tương đương nhau, số vách tế bào phát sáng/ đĩa áp và diện tích tế bào phát sáng của các nghiệm thức cao hơn so với đối chứng và tương đương nhau. Nghiệm thức đối chứng có tỉ lệ đĩa áp tạo phát sáng ở mức độ "+" nhiều vào thời điểm đầu; nghiệm thức BL6, BL7, PĐ2-CT có mức độ phát sáng ở mức "++" và "+++" cao hơn đối chứng trong suốt các thời điểm khảo sát. Khảo sát sự tích tụ polyphenol ở các tế bào lá lúa sau khi được xử lý kích kháng. Kết quả cho thấy các nghiệm thức BL6, BL7, PĐ2-CT có phần trăm đĩa áp có sự tổng hợp polyphenol cao hơn so với đối chứng. Nghiệm thức PĐ2-CT cho diện tích vùng tổng hợp polyphenol rộng hơn so với đối chứng. Nghiệm thức đối chứng có mức tổng hợp ở mức "+" cao hơn ở thời điểm đầu, nghiệm thức PĐ2-CT có mức tổng hợp ở mức "++" và "+++" ổn định và cao hơn đối chứng qua các thời điểm khảo sát.

Từ khóa: bệnh đạo ôn, *Pyricularia oryzae*, polyphenol, phát sáng tế bào.

Lê Quang Huy, 2023. “Xác định tác nhân gây bệnh thán thư trên Hành lá và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị”. Luận văn tốt nghiệp Đại học, ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGs.Ts Lê Minh Tường

## TÓM LƯỢC

Đề tài “Xác định tác nhân gây bệnh thán thư trên Hành lá và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị” được thực hiện tại phòng thí nghiệm Bệnh cây và nhà lưới thuộc Khoa Bảo vệ thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 3/2023 đến tháng 8/2023 nhằm: (1) Xác định tác nhân nấm gây bệnh thán thư trên Hành lá và tìm ra dòng nấm có khả năng gây hại nặng nhất. (2) Tuyển chọn ra chủng xạ khuẩn có khả năng đối kháng với nấm Colletotrichum sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm, (3) Tuyển chọn ra loại thuốc hóa học có khả năng ức chế sự phát triển tản nấm Colletotrichum sp. trong điều kiện in vitro.

Đề tài gồm 3 thí nghiệm:

**Thí nghiệm 1:** Thu thập và phân lập được 14 dòng nấm Colletotrichum spp. gây bệnh thán thư trên Hành lá tại các huyện Bình Tân - Vĩnh Long, huyện Mỹ Xuyên và Thạnh Trị - Sóc Trăng, và Châu Phú - An Giang. Dựa vào đặc điểm hình thái của khuẩn lạc, tốc độ phát triển của khuẩn lạc, hình dạng bào tử, hình dạng đĩa áp, gai cứng cho thấy cả 14 dòng nấm phân lập thuộc chi Colletotrichum, trong đó dòng nấm: Col.TB-BT 1, Col.TB-BT 7 có thể là loài Colletotrichum gloeosporioides; Col.TT-ST 1, Col.TT-ST 2 có thể là loài Colletotrichum coccodes; Col.TB-BT 2, Col.CP-AG 1, Col.CP-AG 2, Col. MX-ST 1, Col.MX-ST 2 có thể là loài Colletotrichum siamense và Col.TB-BT 3, Col.TB-BT 4, Col.TB-BT 6, Col.TB-BT 8 có thể là loài Colletotrichum ciricinans. Bên cạnh đó, khả năng gây hại của 14 dòng nấm được thực hiện trong điều kiện nhà lưới. Kết quả cho thấy cả 14 dòng nấm thí nghiệm đều biểu hiện triệu chứng điển hình của bệnh thán thư hại Hành lá và dòng nấm Col.TB-BT 3 có khả năng gây hại nặng nhất trong 14 dòng nấm phân lập.

**Thí nghiệm 2:** Đánh giá khả năng đối kháng của 105 chủng xạ khuẩn (85 chủng phân lập và 20 chủng nhận từ phòng thí nghiệm) đối với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh trên Hành lá trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả, cho thấy có 20 chủng trong tổng số 105 chủng xạ khuẩn thí nghiệm thể hiện khả năng đối kháng với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư hại Hành lá và 5 chủng xạ MX12-ST, BT42-VL, MX5-ST, TM4-ĐT và CL3-TG có khả năng đối kháng cao với bán kính vòng vô khuẩn lần lượt là 10,75mm, 7,75mm, 5,75mm, 5,5mm, 5,25mm, và hiệu sức đối kháng lần lượt là, 80,20%, 64,07%, 59,20%, 56,95%, và 54,85% ở thời điểm 9 ngày sau bố trí.

**Thí nghiệm 3:** Đánh giá hiệu quả ức chế sự phát triển tản nấm của dòng nấm Col.TB-BT 3 bằng 10 loại thuốc hóa học trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả cho thấy 5 loại thuốc Ridomil Gold 68WP, Alitele 800WG, Nativo 750WG, Antracol 70WP, và Macozed 80WP có hiệu quả ức chế sự phát triển của tản nấm Colletotrichum sp. thông qua bán kính tản nấm, và hiệu quả ức chế ở thời điểm 7 NSBT 0 cm và 100% cho tất cả 5 loại thuốc hóa học.

Từ khóa: Bệnh thán thư trên Hành lá, Colletotrichum spp., thuốc hóa học, xạ khuẩn

Cao Hồng Khả, 2023: “**Khảo sát khả năng đối kháng của xạ khuẩn đối với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên hành lá**”. Luận văn tốt nghiệp Đại học, ngành Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn: PGs. Ts. Lê Minh Tường.

---

## TÓM LƯỢC

Đề tài: “**Khảo sát khả năng đối kháng của xạ khuẩn đối với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên hành lá**” được thực hiện trong phòng thí nghiệm thuộc Khoa Bảo vệ Thực vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 8/2023 đến tháng 11/2023. Nhằm tìm hiểu khả năng đối kháng thông qua: khả năng ức chế sự hình thành bào tử, ức chế sự mọc mầm và ức chế sự hình thành đĩa áp nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư hại hành lá trong điều kiện phòng thí nghiệm. Bao gồm 3 thí nghiệm:

Thí nghiệm 1: Khả năng ức chế sự hình thành bào tử nấm Colletotrichum sp. của 5 chủng xạ khuẩn MX5-ST, BT42-VL, CL3-TG, MX12-ST và TM4-ĐT được thực hiện với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 5 chủng đều có khả năng ức chế sự hình thành bào tử nấm Colletotrichum sp., trong đó 2 chủng xạ khuẩn MX12-ST và BT42-VL cho thấy hiệu quả ức chế hình thành bào tử cao thông qua log mật số bào tử thấp lần lượt là 2,52 bào tử/ml; 1,56 bào tử/ml ở thời điểm 7 ngày sau nuôi cấy.

Thí nghiệm 2: Khả năng ức chế sự mọc mầm nấm Colletotrichum sp. của 5 chủng xạ khuẩn MX5-ST, BT42-VL, CL3-TG, MX12-ST và TM4-ĐT được thực hiện với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 5 chủng xạ khuẩn có khả năng ức chế sự mọc mầm bào tử nấm Colletotrichum sp., trong đó 2 chủng xạ khuẩn MX12-ST và BT42-VL có tỷ lệ bào tử mọc mầm thấp (37,29% và 41,06%) và hiệu quả ức chế mọc mầm cao (56,55% và 53,40%) tại thời điểm 48 giờ sau xử lý.

Thí nghiệm 3: Khả năng ức chế sự hình thành đĩa áp nấm Colletotrichum sp. của 5 chủng xạ khuẩn MX5-ST, BT42-VL, CL3-TG, MX12-ST và TM4-ĐT được thực hiện với 4 lần lặp lại. Kết quả cho thấy cả 5 chủng đều có khả năng ức chế hình thành đĩa áp của nấm Colletotrichum sp., trong đó 2 chủng xạ khuẩn MX12-ST và BT42-VL có khả năng ức chế sự hình thành đĩa áp thông qua tỷ lệ đĩa áp hình thành thấp (27,75% và 38,50%) và hiệu quả ức chế hình thành đĩa áp cao (69,71% và 57,90%) ở thời điểm 7 ngày sau bố trí.

**Từ khóa:** Bệnh thán thư trên hành lá, Colletotrichum sp., xạ khuẩn, ức chế sự mọc mầm, ức chế sự hình thành bào tử, ức chế sự hình thành đĩa áp.

# 1. ĐIỀU TRA HIỆN TRẠNG CANH TÁC, THÀNH PHẦN CÔN TRÙNG GÂY HẠI VÀ THIÊN ĐỊCH TRÊN CÁC VƯỜN CHANH KHÔNG HẠT TẠI TỈNH HẬU GIANG

2. TS. Châu Nguyễn Quốc Khánh

3. Đặng Quốc Bảo B2011151; Nguyễn Trương Gia Hào B2011160

4. Tóm lược

**“Điều tra hiện trạng canh tác, thành phần côn trùng gây hại và thiên địch trên chanh không hạt tại Hậu Giang”** được thực hiện từ tháng 03/2023 đến tháng 07/2024 đạt được kết quả như sau:

Điều tra ngẫu nhiên 40 hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, trong đó có 20 hộ dân tham gia Hợp Tác Xã và 20 hộ dân ngoài Hợp Tác Xã. Cho thấy giống chanh không hạt được trồng phổ biến ở các huyện Châu Thành, thị xã Ngã Bảy của tỉnh Hậu Giang. Giống chanh được trồng với mật độ 600-700 cây/ha. Có sự khác nhau giữa vườn chanh được trồng theo quy trình hợp tác xã và các vườn chanh được trồng theo kinh nghiệm canh tác của người nông dân. Thành phần gây hại chính gồm 12 loài, Trong đó có 4 loài thuộc bộ cánh đều (Homoptera), 3 loài thuộc bộ cánh vẩy (Lepidoptera), 1 loài thuộc bộ cánh viền (Thysanoptera) và 1 loài thuộc bộ ve bét (Acarina), 1 loài thuộc bộ cánh nửa cứng (Homoptera), 1 loài thuộc bộ cánh thẳng (Orthoptera).

Theo kết quả điều tra thực tế cho thấy Sâu vẽ bùa là loài xuất hiện nhiều nhất ghi nhận ở tất cả các hộ điều tra chúng chiếm tỷ lệ 100%, gây hại mạnh ở giai đoạn cây ra đọt non, lá mềm. Cây lớn, trên 4 năm tuổi có tán lá rộng, lá già, thiệt hại không đáng kể nhờ có thiên địch ký sinh khiến mật số sâu vẽ bùa giảm dần theo độ lớn của vườn cây. Nhưng 2 loài khó phát hiện sớm và khó phòng trị nhất là Sâu đục cành và Rệp sáp rầy chúng gây hại nặng, ảnh hưởng đến cây rất lớn. Sâu đục cành tấn công thân và cành cây làm ảnh hưởng tới sinh trưởng phát triển cây. Rệp sáp rầy tấn công bộ rễ của cây đặc biệt là vào mùa khô, nắng nóng như hiện nay. Bên cạnh việc chích hút, gây hại trực tiếp rễ cây trồng, rệp sáp còn tạo vết thương, mở đường cho các vi sinh vật gây hại tấn công. Do đó, việc nhận biết, xác định nguyên nhân và cách thức quản lý chính xác là vô cùng quan trọng.

Tình hình canh tác có sự khác nhau giữa các hộ tham gia Hợp Tác Xã và không tham gia Hợp Tác Xã dẫn đến mức độ phổ biến về thành phần côn trùng gây hại và thiên địch trong vườn chanh.

.Tên đề tài: “Điều tra tình hình gây hại và khảo sát hiệu lực một số loại thuốc hóa học đối với rầy phấn trắng (*Bemisia tabaci*) gây hại cây dưa bầu bí”.

2.Cán bộ hướng dẫn: Ts. Phạm Kim Sơn

3.Sinh viên thực hiện:

- Lê Minh Nhật

- Phạm Thanh Lâm

4.Nội dung tóm lược:

Đề tài được thực hiện từ tháng 5/2023-6/2024 tại phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học và nhà lưới thuộc Khoa BVTV, trường Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ. Điều tra hiện trạng canh tác trên cây họ bầu bí và tình hình gây hại của rầy phấn trắng trên cây dưa bầu bí tại địa bàn thành phố Cần Thơ, khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu hóa học đối với ấu trùng và thành trùng rầy phấn trắng (*Bemisia tabaci*) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới. Kết quả đạt được như sau:

Kết quả cho thấy tại thành phố Cần Thơ có ít sự đa dạng về thành phần thiên địch và sâu hại trên cây họ bầu bí; trong đó, chỉ ghi nhận có 7 loài gây hại bao gồm bọ trĩ *Thrips palmi*, rầy phấn trắng *Bemisia tabaci*, ruồi đục lòn *Liriomyza trifolii*, sâu xanh ăn lá *Diaphania indica*, rầy xanh *Empoasca flavescens* và 2 loài thiên địch ăn thịt là kiến ba khoang đuôi nhọn *Paederus fuscipes* và bọ rùa đỏ *Micraspis discolor*.

Qua kết quả khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu hóa học đối với rầy phấn trắng trong điều kiện phòng thí nghiệm cho thấy mỗi nhóm thuốc trừ sâu đều có loại thuốc cho độ hữu hiệu cao và hiệu lực gia tăng theo thời gian quan sát.

Đối với thành trùng rầy phấn trắng: thuốc cho hiệu lực cao và nhanh nhất là Dantotsu50WG và Chess 50WG, thấp nhất là Carbosan 25EC.

Đối với ấu trùng rầy phấn trắng: thuốc cho hiệu lực cao nhất là Closer 500WG, thấp nhất là Dantosu 50WG.

Qua kết quả khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu hóa học đối với rầy phấn trắng trong điều kiện nhà lưới cho thấy mỗi nhóm thuốc trừ sâu đều có loại thuốc cho độ hữu hiệu cao và hiệu lực gia tăng theo thời gian quan sát.

Đối với thành trùng rầy phấn trắng: thuốc Dantosu 50WG cho hiệu lực cao đạt 100% sau 5 ngày phun thuốc, sau khi phun 7 ngày thì tất cả các loại thuốc thí nghiệm đều cho độ hữu hiệu cao 100%, ngoại trừ thuốc Chess 50WG có hiệu lực thấp hơn (86,25%).

Đối với ấu trùng rầy phấn trắng: loại thuốc cho hiệu lực diệt trừ mạnh và nhanh là Closer 500WG, thuốc có hiệu lực diệt trừ thấp là Chess 50WG.

. Tên đề tài: " ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH GÂY HẠI VÀ KHẢO SÁT HIỆU LỰC MỘT SỐ LOẠI THUỐC HÓA HỌC ĐỐI VỚI RẦY PHẦN TRẮNG (*Bemisia tabaci*) GÂY HẠI CÂY DƯA BẦU BÍ.

2. Cán bộ hướng dẫn: Ts. Phạm Kim Sơn.

3. Sinh viên thực hiện:

- Phạm Thanh Lâm B2011267

- Lê Minh Nhật B2011273

4. Nội dung tóm lược:

Đề tài được thực hiện từ tháng 5/2023-6/2024 tại phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học và nhà lưới thuộc Khoa BVTV, trường Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ. Điều tra hiện trạng canh tác trên cây họ bầu bí và tình hình gây hại của rầy phần trắng trên cây dưa bầu bí tại địa bàn thành phố Cần Thơ, khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu hóa học đối với ấu trùng và thành trùng rầy phần trắng (*Bemisia tabaci*) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới. Kết quả đạt được như sau:

Kết quả cho thấy tại thành phố Cần Thơ có ít sự đa dạng về thành phần thiên địch và sâu hại trên cây họ bầu bí; trong đó, chỉ ghi nhận có 7 loài gây hại bao gồm bọ trĩ *Thrips palmi*, rầy phần trắng *Bemisia tabaci*, ruồi đục lòn *Liriomyza trifolii*, sâu xanh ăn lá *Diaphania indica*, rầy xanh *Empoasca flavescens* và 2 loài thiên địch ăn thịt là kiến ba khoang đuôi nhọn *Paederus fuscipes* và bọ rùa đỏ *Micraspis discolor*.

Qua kết quả khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu hóa học đối với rầy phần trắng trong điều kiện phòng thí nghiệm cho thấy mỗi nhóm thuốc trừ sâu đều có loại thuốc cho độ hữu hiệu cao và hiệu lực gia tăng theo thời gian quan sát.

Đối với thành trùng rầy phần trắng: thuốc cho hiệu lực cao và nhanh nhất là Dantotsu 50WG và Chess 50WG, thấp nhất là Carbosan 25EC.

Đối với ấu trùng rầy phần trắng: thuốc cho hiệu lực cao nhất là Closer 500WG, thấp nhất là Dantosu 50WG.

Qua kết quả khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu hóa học đối với rầy phần trắng trong điều kiện nhà lưới cho thấy mỗi nhóm thuốc trừ sâu đều có loại thuốc cho độ hữu hiệu cao và hiệu lực gia tăng theo thời gian quan sát.

Đối với thành trùng rầy phần trắng: thuốc Dantosu 50WG cho hiệu lực cao đạt 100% sau 5 ngày phun thuốc, sau khi phun 7 ngày thì tất cả các loại thuốc thí nghiệm đều cho độ hữu hiệu cao 100%, ngoại trừ thuốc Chess 50WG có hiệu lực thấp hơn (86,25%).

Đối với ấu trùng rầy phần trắng: loại thuốc cho hiệu lực diệt trừ mạnh và nhanh là Closer 500WG, thuốc có hiệu lực diệt trừ thấp là Chess 50WG.

Từ khóa: rầy phần trắng, *Bemisia tabaci*, thuốc trừ sâu, hiệu lực.

Tên đề tài: "HIỆU LỰC CỦA MỘT SỐ LOẠI THUỐC HÓA HỌC VÀ BIỆN PHÁP SINH HỌC ĐỐI VỚI BỌ TRỄ (Thrips palmi) HẠI DƯA BẦU BÍ TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM".

2. Cán bộ hướng dẫn: Ts. Phạm Kim Sơn

3. Sinh viên thực hiện:

- Huỳnh Thị Nhã Văn B2011294
- Lê Thị Hoàng Kim B2011266


4. Nội dung tóm lược:

Đề tài "Hiệu lực của một số loại thuốc hóa học và biện pháp sinh học đối với bọ trĩ (*Thrips palmi*) hại dưa bầu bí trong phòng thí nghiệm" được thực hiện từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024 tại phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học và nhà lưới thuộc Khoa Bảo vệ Thực vật, trường Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ. Đề tài nhằm điều tra tình hình gây hại của bọ trĩ (*Thrips palmi*) trên cây dưa bầu bí thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ và đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu hóa học và biện pháp sinh học thử khả năng ăn mồi của một số thiên địch ăn thịt đối với bọ trĩ (*Thrips palmi*) hại dưa bầu bí. Đề tài đạt được một số kết quả như sau:

Qua khảo sát khả năng ăn mồi của thiên địch ăn thịt đối với bọ trĩ (*Thrips palmi*) cho thấy khả năng ăn mồi của bọ xít *Orius* sp. nhiều hơn so với hai loài nhện *Amblyseius swirskii* và nhện *Amblyseius montdorensis*, trung bình 1 bọ xít ăn bọ trĩ là 10,75 con/ngày và trung bình 1 nhện nhỏ ăn bọ trĩ là 4,7 con/ngày.

Qua khảo sát hiệu lực của các loại thuốc trừ sâu hóa học đối với bọ trĩ (*Thrips palmi*) trong điều kiện phòng thí nghiệm cho thấy hiệu lực gây chết cao và gia tăng theo thời gian quan sát. Trong đó, thuốc Carbosan 25EC đạt 100% ở thời điểm 1 NSKXL, thuốc Dantostu 50WG, Actara 25WG và Closer 500WG đạt 100% ở thời điểm 4 NSKXL.

Qua khảo sát hiệu lực của chế phẩm sinh học đối với bọ trĩ (*Thrips palmi*) trong điều kiện phòng thí nghiệm nhận thấy nghiệm thức Radiant 60SC và dịch chiết Ớt cho ĐHH tương đương nhau, lần lượt là 100% và 98,75% ở thời điểm 4 NSKXL.

 \_LVTN-BỌ TRỄ-HOÀNG KIM-NHÃ VĂN-HOÀN THIÊN-2 mới.docx

Qua khảo sát hiệu lực của các loại thuốc trừ sâu hóa học đối với bọ trĩ (*Thrips palmi*) ở điều kiện nhà lưới cho thấy nghiệm thức thuốc Carbosan 25EC, Dantostu 50WG và Actara 25WG có ĐHH cao nhất đạt 100% ở thời điểm 3 NSKXL, còn nghiệm thức thuốc Ascend 20SP cho hiệu lực chậm hơn, đạt ĐHH tối đa 100% ở thời điểm 5 NSKXL.

Qua khảo sát hiệu lực của các chế phẩm sinh học đối với bọ trĩ (*Thrips palmi*) ở điều kiện nhà lưới cho thấy nghiệm thức dầu Neem ở nồng độ 5% cũng không phù hợp để xử lý trên cây dưa leo do lá dưa bị vàng. Kế tiếp, nghiệm thức dịch chiết Ớt và thuốc Movento 150OD cho hiệu lực cao và không gây vàng lá với ĐHH 100% ở 7 NSKXL.

Tên đề tài: "HIỆU LỰC CỦA MỘT SỐ LOẠI THUỐC HÓA HỌC VÀ BIỆN PHÁP SINH HỌC ĐỐI VỚI BỌ TRỄ (Thrips palmi) HẠI DƯA BẦU BÍ TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM".

2. Cán bộ hướng dẫn: Ts. Phạm Kim Sơn

3. Sinh viên thực hiện:

- Huỳnh Thị Nhã Văn B2011294

- Lê Thị Hoàng Kim B2011266

4. Nội dung tóm lược:

Đề tài “Hiệu lực của một số loại thuốc hóa học và biện pháp sinh học đối với bọ trĩ (Thrips palmi) hại dưa bầu bí trong phòng thí nghiệm” được thực hiện từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024 tại phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học và nhà lưới thuộc Khoa Bảo vệ Thực vật, trường Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ. Đề tài nhằm điều tra tình hình gây hại của bọ trĩ (Thrips palmi) trên cây dưa bầu bí thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ và đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu hóa học và biện pháp sinh học thử khả năng ăn mồi của một số thiên địch ăn thịt đối với bọ trĩ (Thrips palmi) hại dưa bầu bí. Đề tài đạt được một số kết quả như sau:

Qua khảo sát khả năng ăn mồi của thiên địch ăn thịt đối với bọ trĩ (Thrips palmi) cho thấy khả năng ăn mồi của bọ xít Orius sp. nhiều hơn so với hai loài nhện Amblyseius swirskii và nhện Amblyseius montdorensis, trung bình 1 bọ xít ăn bọ trĩ là 10,75 con/ngày và trung bình 1 nhện nhỏ ăn bọ trĩ là 4,7 con/ngày.

Qua khảo sát hiệu lực của các loại thuốc trừ sâu hóa học đối với bọ trĩ (Thrips palmi) trong điều kiện phòng thí nghiệm cho thấy hiệu lực gây chết cao và gia tăng theo thời gian quan sát. Trong đó, thuốc Carbosan 25EC đạt 100% ở thời điểm 1 NSKXL, thuốc Dantostu 50WG, Actara 25WG và Closer 500WG đạt 100% ở thời điểm 4 NSKXL.

Qua khảo sát hiệu lực của chế phẩm sinh học đối với bọ trĩ (Thrips palmi) trong điều kiện phòng thí nghiệm nhận thấy nghiệm thức Radiant 60SC và dịch chiết Ớt cho ĐHH tương đương nhau, lần lượt là 100% và 98,75% ở thời điểm 4 NSKXL.

Qua khảo sát hiệu lực của các loại thuốc trừ sâu hóa học đối với bọ trĩ (Thrips palmi) ở điều kiện nhà lưới cho thấy nghiệm thức thuốc Carbosan 25EC, Dantostu 50WG và Actara 25WG có ĐHH cao nhất đạt 100% ở thời điểm 3 NSKXL, còn nghiệm thức thuốc Ascend 20SP cho hiệu lực chậm hơn, đạt ĐHH tối đa 100% ở thời điểm 5 NSKXL.

Qua khảo sát hiệu lực của các chế phẩm sinh học đối với bọ trĩ (Thrips palmi) ở điều kiện nhà lưới cho thấy nghiệm thức dầu Neem ở nồng độ 5% cũng không phù hợp để xử lý trên cây dưa leo do lá dưa bị vàng. Kế tiếp, nghiệm thức dịch chiết Ớt và thuốc Movento 150OD cho hiệu lực cao và không gây vàng lá với ĐHH 100% ở 7 NSKXL.



. Tên đề tài: KHẢO SÁT HIỆU LỰC CÁC LOẠI DỊCH CHIẾT THỰC VẬT PHÒNG TRỪ SÂU XANH DA LÁNG ( *Spodoptera Exigua* Hubner) GÂY HẠI HÀNH LÁ TRONG ĐIỀU KIỆN PHÒNG THÍ NGHIỆM

2. Tên các bộ hướng dẫn : TS. Phạm Kim Sơn

3. Tên sinh viên thực hiện: Lê Hoàng Oanh

4. Tóm lược: Đề tài “Khảo sát hiệu lực các loại dịch chiết thực vật phòng trừ sâu xanh da láng (*Spodoptera exigua* Hubner) gây hại hành lá trong điều kiện phòng thí nghiệm” được thực hiện từ tháng 06/2023 đến tháng 06/2024 tại phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học, khoa Bảo vệ Thực Vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Nhằm khảo sát hiệu lực gây chết sâu xanh da láng hại hành lá của các loại dịch chiết thực vật trong phòng thí nghiệm đạt được một số kết quả như sau:

Qua kết quả khảo sát hiệu lực của 5 loại dịch chiết thực vật bao gồm dầu Trôm, dầu Neem, lá Cà chua, lá Dã quỳ, bột trái Ót ở các nồng độ 1%, 3%, 5%, 7% tác động lên ấu trùng sâu xanh da láng tuổi 2 trong điều kiện phòng thí nghiệm cho thấy nồng độ dịch chiết càng cao thì độ hữu hiệu càng cao và hiệu lực gây chết sâu xanh gia tăng qua các thời điểm quan sát. Dầu Neem ở nồng độ 5% và 7% cho hiệu lực gây chết sâu xanh da láng cao và nhanh, đạt 100% ở 1 NSKP, dầu Trôm ở nồng độ 5% và 7% cho hiệu lực diệt sâu cao và nhanh, đạt 97,5% và 100% ở 3 NSKP, dịch chiết Ót ở nồng độ 7% cho hiệu lực gây chết sâu tương đối thấp, đạt 76,58%, dịch chiết lá Cà chua ở nồng độ 7% cho hiệu lực gây chết sâu đạt 74,28%, dịch chiết lá Dã quỳ ở nồng độ 7% cho hiệu lực gây chết sâu ở mức trung bình, đạt 54,01%, ở 7 NSKP.

1. Tên đề tài

Đánh giá hiệu quả của các chủng vi khuẩn *Pseudomonas* phát huỳnh quang phòng trừ rầy nâu (*Nilaparvata lugens* Stal) trong điều kiện phòng thí nghiệm.

2. Tên cán bộ hướng dẫn

ThS. Lăng Cảnh Phú

3. Tên sinh viên thực hiện

Hồ Phước Tiến

4. Nội dung tóm lược

Đề tài: “Đánh giá hiệu quả của các chủng vi khuẩn *Pseudomonas* phát huỳnh quang phòng trừ rầy nâu (*Nilaparvata lugens* Stal) trong điều kiện phòng thí nghiệm” được thực hiện từ 08/2023 đến 07/2024 tại phòng thí nghiệm côn trùng C110 Khoa Bảo Vệ Thực Vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại Học Cần Thơ. Đề tài nhằm chọn lọc một số chủng vi khuẩn *Pseudomonas* phát huỳnh quang (PHQ) có khả năng gây chết, nồng độ và hiệu lực phòng trừ đối với rầy nâu trong điều kiện phòng thí nghiệm cho kết quả như sau:

Đánh giá hiệu lực phòng trừ của 21 chủng vi khuẩn *Pseudomonas* PHQ cho thấy ba chủng vi khuẩn: 14, 15 và 16 có khả năng gây chết rầy nâu đạt hiệu lực cao trên 70% ở thời điểm 7 ngày sau khi xử lý.

Đánh giá hiệu lực của ba chủng vi khuẩn ở các nồng độ khác nhau gây chết đối với rầy nâu trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả ba chủng 14, 15 và 16 đều đạt hiệu lực cao ở nồng độ  $10^9$  CFU/mL.

Khả năng phòng trừ của ba chủng vi khuẩn với nồng độ  $10^9$  CFU/mL ở các độ tuổi khác nhau của rầy nâu trong điều kiện phòng thí nghiệm. Cho thấy hiệu lực phòng trừ ở rầy nâu tuổi 2 và tuổi 3 cho hiệu quả cao hơn so với rầy nâu tuổi 4 và tuổi 5.

1. Tên đề tài: “Hiệu quả của chế phẩm nấm xanh *Metarhizium* spp. và dịch trích cây thủy xương bồ *Acorus* sp. đối với rầy nâu và sâu cuốn lá nhỏ ở điều kiện ngoài đồng”
2. Cán bộ hướng dẫn: PGS. TS. Lê Văn Vàng
3. Sinh viên thực hiện: Lê Minh Triều (MSSV: B2011241)
4. Tóm tắt:

Nghiên cứu “Hiệu quả của chế phẩm nấm xanh *Metarhizium* spp. và dịch trích cây thủy xương bồ *Acorus* sp. đối với rầy nâu và sâu cuốn lá nhỏ ở điều kiện ngoài đồng” được thực hiện ở vụ lúa Đông Xuân kéo dài từ tháng 12/2023 đến tháng 03/2024, tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Mục tiêu của đề tài nhằm đánh giá hiệu quả của nấm xanh *Metarhizium* spp. và dịch trích thủy xương bồ *Acorus* sp. trong việc quản lý sự gây hại của rầy nâu *Nilaparvata lugens* Stal và sâu cuốn lá nhỏ *Cnaphalocrosis medinalis* Guenee, đồng thời khảo sát mức độ ảnh hưởng của hai biện pháp sinh học này đối với sự hiện diện của thiên địch trên đồng ruộng. Đề tài đã đánh giá được một số kết quả như sau: (1) nghiệm thức phun chế phẩm nấm xanh *Metarhizium* spp. 2 lần/đợt dịch có khả năng gây chết cao nhất đối với rầy nâu *N. lugens* và sâu cuốn lá nhỏ *C. medinalis*, đạt lần lượt là 51,29% và 67,20%, hiệu lực phòng trừ kéo dài đến 14 ngày sau khi phun. (2) nghiệm thức phun dịch trích thủy xương bồ *Acorus* sp. 2% 2 lần/đợt dịch chưa ghi nhận được hiệu quả phòng trừ rầy nâu *N. lugens*, kết quả đạt 27,29%, tuy nhiên, dịch trích thủy xương bồ *Acorus* sp. 2% được ghi nhận có tiềm năng trong việc kiểm soát sự gây hại của sâu cuốn lá nhỏ *C. medinalis*, dao động ở mức 53,33% và hiệu lực kéo dài đến 14 ngày sau khi xử lý. (3) Dịch trích thủy xương bồ có ảnh hưởng cao hơn chế phẩm nấm xanh đối với thiên địch trên ruộng lúa. Trong đó, bọ xít mù xanh *C. lividepennis* được ghi nhận rất ít bị tác động bởi nấm xanh *Metarhizium* spp., tỉ lệ chết cao nhất chỉ đạt 22,29%, ngược lại dịch trích thủy xương bồ có tác động tương đối cao đối với quần thể một số loài nhện lớn, nhện nhỏ và bọ xít mù xanh (*C. lividepennis*), tỉ lệ chết dao động từ 33,93% đến 40,92%.

**Từ khóa:** *Metarhizium* spp., *Acorus* sp., *Nilaparvata lugens* Stal, *Cnaphalocrosis medinalis* Guenee, thiên địch, canh tác lúa.

Lâm Nhật Minh, Nguyễn Trọng Phúc, 2024. **Khảo sát tình hình lúa cỏ (*Oryza sativa* f. *spontanea*) và mô tả đặc điểm hình thái của các dòng lúa cỏ tại huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.** Luận văn đại học, chuyên ngành Bảo vệ Thực Vật, Trường Nông Nghiệp, Trường Đại Học Cần Thơ.

Cán bộ hướng dẫn : Ts. Hồ Lệ Thi

---

**TÓM TẮT**

Đề tài “Khảo sát tình hình lúa cỏ (*Oryza sativa* f. *spontanea*) và mô tả đặc điểm hình thái của các dòng lúa cỏ tại huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 5 năm 2024 ở vùng trồng huyện Tháp Mười và tại khu nhà lưới thuộc Bộ môn Bảo vệ Thực vật, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ

Phương pháp gieo sạ thẳng đang ngày càng được nông dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, ưa chuộng vì khả năng giảm chi phí sản xuất, lao động và sử dụng nước. Tuy nhiên, phương pháp này cũng đem lại thách thức lớn với sự xuất hiện và lan rộng của lúa cỏ (*Oryza sativa* f. *spontanea*), một loại cỏ dại khó kiểm soát do sự tương đồng về hình thái và hiện tượng học với lúa trồng (*Oryza sativa* L.). Nghiên cứu này được thực hiện trên 120 hộ nông dân ở 12 xã thuộc huyện Tháp Mười nhằm ghi nhận và đánh giá tập quán sản xuất lúa, các biện pháp quản lý cỏ dại, và phương pháp nhận diện lúa cỏ mà nông dân đang áp dụng. Chúng tôi cũng thu thập và trồng các mẫu lúa cỏ trong điều kiện nhà lưới để ghi nhận các đặc điểm hình thái. Kết quả khảo sát cho thấy đa số nông dân (57,50%) sử dụng phương pháp sạ lan và 55,83% hộ sử dụng mật độ sạ 120 đến 150 kg/ha và 116/120 (96,67%) hộ nông dân cho rằng nguyên nhân chính gây ra sự lây lan của lúa cỏ là sử dụng giống kém chất lượng. Mặc dù hầu hết nông dân có thể phân biệt được lúa cỏ với lúa trồng, việc kiểm soát lúa cỏ vẫn gặp nhiều khó khăn. Trong số 37 dòng lúa cỏ được chọn lọc, nhiều dòng có đặc điểm như thời gian sinh trưởng dài và chiều cao vượt trội. Tuy nhiên, một số dòng như WR-7, WR-9, WR-11, WR-14 có đặc điểm khó phân biệt với lúa trồng như không có râu, khó rụng, vỏ trấu màu vàng và vỏ lụa màu trắng, khiến việc nhận dạng và kiểm soát lúa cỏ trở nên thách thức hơn. Kết quả khảo sát này cho thấy sự cần thiết của việc cải tiến các biện pháp quản lý lúa cỏ và phát triển các giải pháp canh tác bền vững để bảo vệ năng suất lúa.

**Từ khóa:** Lúa cỏ, *Oryza sativa* f. *spontanea*, quản lý lúa cỏ, gieo sạ thẳng, nông nghiệp bền vững.

1. Tên đề tài: Hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu đối với rệp sáp phấn (*Dysmicoccus brevipes*) hại măng cầu ta trong phòng thí nghiệm và nhà lưới
2. Tên cán bộ hướng dẫn: Thầy Phạm Kim Sơn.
3. Tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Nhật Trường, Nguyễn Hoài Phong.
4. Nội dung tóm lược:

Đề tài “Hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu đối với rệp sáp phấn (*Dysmicoccus brevipes*) hại măng cầu ta trong phòng thí nghiệm và nhà lưới” được thực hiện từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024 tại phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học và nhà lưới, khoa Bảo Vệ Thực vật, trường Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ nhằm mục đích đánh giá hiệu lực gây chết thành trùng rệp sáp phấn (*Dysmicoccus brevipes*) hại măng cầu ta của một số loại thuốc trừ sâu trong điều kiện PTN và nhà lưới đạt được một số kết quả như sau:

*Qua kết quả khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu đối với thành trùng rệp sáp phân trong điều kiện phòng thí nghiệm cho thấy mỗi nhóm thuốc trừ sâu đều có loại thuốc cho độ hữu hiệu cao và hiệu quả gia tăng theo thời gian quan sát.*

*Đối với nhóm thuốc trừ sâu thế hệ mới cho thấy các loại thuốc Closer 500WG, Chlorferan 240SC, Movento 150OD cho hiệu lực diệt thành trùng rệp sáp phân tương đương nhau đạt 100% từ thời điểm 5 NSKP.*

*Đối với nhóm thuốc trừ sâu sinh học cho thấy thuốc Haihamec 3.6EC cho hiệu lực diệt thành trùng rệp sáp phân đạt 60% từ thời điểm 5 NSKP.*

*Đối với nhóm thuốc trừ sâu hóa học cho thấy thuốc Pegasus 500SC cho hiệu lực diệt rệp sáp phân đạt 83,75% từ thời điểm 5 NSKP.*

*Đối với nhóm thuốc trừ sâu hỗn hợp cho thấy thuốc Applaud 25WP + Afeno 30WP cho hiệu lực diệt rệp sáp phân cao đạt 100% từ thời điểm 5 NSKP.*

*Qua kết quả khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu đối với thành trùng rệp sáp phân trong điều kiện nhà lưới cho thấy thuốc Closer 500WG cho hiệu lực diệt rệp sáp phân cao nhất đạt 100% từ thời điểm 5 NSKP, nghiệm thức Movento 150OD và hỗn hợp Applaud 25WP+ Afeno 30WP đạt hiệu lực diệt rệp sáp phân 100% từ thời điểm 7 NSKP, nghiệm thức Chlorferan 240SC đạt hiệu lực diệt rệp sáp phân cao 96% từ thời điểm 7 NSKP, nghiệm thức Haihamec 3.6EC cho hiệu lực diệt rệp sáp phân thấp nhất, có ĐHH dưới 50%.*

**Từ khoá:** *Dysmicoccus brevipes, rệp sáp phân, thuốc trừ sâu, hiệu lực.*